

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2023 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Báo cáo số **436** /BC-UBND ngày **26** /12/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân năm 2022 (PA cao)		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
			Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Kinh phí	Tỷ trọng (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8
A	NGUỒN VỐN						
A1	TỔNG NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI	51.582.952	46.544.882	90,1%	46.956.098	100,0%	
*	Vốn cân đối ngân sách địa phương	47.385.327			42.108.477	89,7%	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	15.585.955			24.059.777	51,2%	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	20.000.000			17.000.000	36,2%	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	430.000			320.000	0,7%	
4	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn DN địa phương	7.920.672					
5	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	3.448.700			728.700	1,6%	
*	Vốn ngân sách Trung ương	4.197.625			4.847.621	10,3%	
1	Thu hồi các khoản ứng trước (vốn trong nước)	395.124			186.857	0,4%	
2	Dự án Vành đai 4 và các dự án liên kết vùng				2.399.943	5,1%	
3	Vốn nước ngoài	3.802.501			2.260.821	4,8%	
A2	PHƯƠNG ÁN NGUỒN KẾ HOẠCH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI (=1+2-3)	51.582.952			46.946.267	100,0%	
1	Từ nguồn Trung ương giao				46.956.098	100,0%	
2	Bổ sung dự toán từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.				80.169		
3	Nguồn vốn chi trả nợ lãi, phí các khoản vay	510.000			90.000		
A3	CƠ CẤU NGUỒN VỐN PHÂN BỐ	51.072.952			46.946.267	100,0%	
I	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	33.554.299			26.126.369	55,6%	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) trong nước	27.396.398			22.604.948	48,1%	
1.1	Từ nguồn XD CB tập trung	6.554.152			14.419.148	30,7%	
1.2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	9.096.450			5.279.000	11,2%	
1.3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	430.000			320.000	0,7%	
1.4	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn DN địa phương	4.920.672					
1.5	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2021	3.000.000					

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân năm 2022 (PA cao)		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
			Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Kinh phí	Tỷ trọng (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8
1.6	Nguồn thường vượt thu ngân sách năm 2021	3.000.000					
1.7	Từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước)	395.124			2.586.800	5,5%	
2	Đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) nguồn nước ngoài	5.157.901			3.371.421	7,2%	
2.1	Nguồn ODA cấp phát	3.802.501			2.260.821	4,8%	
2.2	Nguồn ODA vay lại	1.355.400			1.110.600	2,4%	
3	Chi đầu tư phát triển khác	1.000.000			150.000		
II	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	16.696.003			19.919.898	42,4%	
III	NGUỒN CHI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TỪ TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN	822.650			900.000		
B	PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH VỐN	51.582.952	46.544.882	90,1%	46.946.267	100,0%	
B.1	NGUỒN VỐN CHI TRẢ NỢ VAY	510.000	510.000	100,0%			
B.2	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	33.554.299	27.172.324	81,0%	26.126.369	55,6%	
I	Bố trí vốn thu hồi ứng trước, thanh quyết toán, nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ đầu tư phát triển khác...	6.919.888	4.606.598	66,6%	5.708.828	12,2%	
1	Bố trí thu hồi các khoản ứng trước ngân sách Trung ương đến hết Kế hoạch năm 2022 chưa bố trí nguồn để thu hồi	395.124	395.124	100,0%	186.857	0,4%	PL 8
2	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố	522.100	280.134	53,7%	500.000	1,1%	
3	Bổ sung nguồn vốn hoàn trả vốn ứng Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố thực hiện GPMB Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô	1.759.690	1.759.690	100,0%			
4	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành	100.000	100.000	100,0%	100.000	0,2%	giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt; PL3: Quy hoạch
5	Bố trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch	40.000	4.314	10,8%	200.000	0,4%	
6	Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư	50.000	38.464	76,9%	50.000	0,1%	
7	Bố trí nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	1.682.974	564.372	33,5%	4.421.971	9,4%	
	Trong đó, nguồn vốn Ngân sách trung ương để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô năm 2023: 1.999,943 tỷ đồng)				1.999,943		
8	Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT	770.000					
9	Bổ sung cho các quỹ và vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm; hỗ trợ lãi suất một số dự án, hỗ trợ doanh nghiệp theo cơ chế của Thành phố	1.500.000	1.464.500	97,6%	150.000	0,3%	
10	Hỗ trợ địa phương bạn	100.000	-		100.000	0,2%	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Giải ngân năm 2022 (PA cao)		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
			Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Kinh phí	Tỷ trọng (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8
II	Vốn phân bổ thực hiện dự án đầu tư công Thành phố	14.674.381	11.226.781	76,5%	14.155.991	30,1%	PL 2, 2.1 (PL 2.1 về lĩnh vực AN, QP phát hành theo chế độ mới)
II.1	Vốn phân bổ dự án XCDB tập trung cấp Thành phố	14.366.601	10.932.006	76,1%	13.721.991	29,2%	
1	Vốn trong nước (trong đó, đối ứng cho các DA ODA năm 2023: 529,2 tỷ đồng)	9.208.700	8.472.004	92,0%	10.350.570	22,0%	Trong đó, NSTW: 400 tỷ đồng
2	Vốn nước ngoài (ODA)	5.157.901	2.746.284	53,2%	3.371.421	7,2%	
	- ODA cấp phát	3.802.501	1.584.613	41,7%	2.260.821	4,8%	
	- ODA vay lại	1.355.400	1.161.671	85,7%	1.110.600	2,4%	
II.2	Bố trí vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức	15.000	2.000	13,3%	5.000	0,01%	
II.3	Bố trí vốn thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù	292.780	292.775	100,0%	429.000	0,9%	
III	Hỗ trợ các huyện, thị xã thực hiện các Chương trình, dự án	11.960.030	11.338.945	94,8%	6.261.550	13,3%	
III.1	Vốn bố trí thực hiện dự án thuộc CTMT quốc gia	1.419.400	1.405.911	99,0%	1.751.550	3,7%	
1	CTMT quốc gia về xây dựng nông thôn mới	1.226.700	1.226.700	100,0%	1.713.050	3,6%	PL 4
2	CTMT quốc gia phát triển kinh tế - xã hội dân tộc miền núi	192.700	179.211	93,0%	38.500	0,1%	PL 5
III.2	Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	10.540.630	9.933.034	94,2%	4.510.000	9,6%	
1	Hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn	4.771.130	4.484.862	94,0%	2.055.700		PL 6
2	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích	1.445.950	1.341.460	92,8%	1.016.470		
3	Hỗ trợ xây dựng nâng cấp tuyến y tế cơ sở	651.890	606.258	93,0%	215.330		
4	Các dự án xử lý nước thải làng nghề; hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố; các dự án hạ tầng kinh tế; nhà văn hóa thôn	3.671.660	3.500.454	95,3%	1.222.500		PL 7
B.3	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	16.696.003	18.039.908	108,0%	19.919.898	42,4%	
B.4	CHI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TỪ TIỀN THUẾ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN	822.650	822.650	100,0%	900.000	1,9%	

Phụ lục 2.1

CẬP NHẬT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 ĐỐI VỚI DỰ ÁN THỰC HIỆN THANH TOÁN THEO CƠ CHẾ THANH TOÁN LINH HOẠT NGUỒN VỐN BỐ TRÍ CHO NHIỆM VỤ QUY HOẠCH, CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, THANH QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

(Kèm theo Báo cáo số 436 /BC-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	152		233.919,199394	77.577,700	156.341,499696		
A	Nhiệm vụ quy hoạch	5		6.591,200	249,700	6.341,500		
1	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch Thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045	1	1220/QĐ-UBND ngày 26/3/2020; 5115/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	499,400	249,700	249,700	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2022 được phân bổ tại Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021
2	Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	1	4199/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 5003/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	1.400,000		1.400,000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	Năm 2022 được phân bổ tại Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021
2	Quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	1	1138/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 4075/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	3.891,800		3.891,800	Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	975/TB-KH&ĐT ngày 28/10/2022
2	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 (tại khu vực Trung tâm giao lưu hàng hóa và khu công viên, cây xanh, hồ điều hòa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội)	1	4683/QĐ-UBND ngày 02/11/2021; 360/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	300,000		300,000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	310/TB-UBND ngày 25/4/2022
3	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị GN và N8, tỷ lệ 1/5000 khu vực hồ Phương Trách và đô thị tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	4680/QĐ-UBND ngày 01/11/2021; 365/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	500,000		500,000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	310/TB-UBND ngày 25/4/2022
B	Chuẩn bị dự án	37		56.263,000	6.263,000	50.000,000		
1	Dự án đầu tư xây dựng mới các trụ nước chữa cháy và hồ thu nước trên địa bàn Thành phố	1	NQ 04/NQ-HĐND ngày 09/04/2019	1.339,000	1.339,000		Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và NN Thành Phố	
2	Xây dựng trường THPT Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	1	NQ 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4363/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	800,000	800,000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
3	Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	1	NQ 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 2114/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	7.700,000	3.000,000	4.700,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	312/TB-KH&ĐT-THQH ngày 27/4/2022
4	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường Vành đai 3	1	141/QĐ-TTg ngày 21/01/2020; 1083/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	264,000	264,000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
5	Xây dựng tuyến đường vào Cảng Khuyến Lương	1	12/NQ-HĐND ngày 05/12/2018	160,000	160,000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, Thôn 9, xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường Khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LXXLCT Sóc Sơn	1	01/NQ-HĐND ngày 29/3/2021	1.000,000	700,000	300,000	UBND huyện Sóc Sơn	721/TB-KH&ĐT ngày 18/8/2022
7	Cải tạo, nâng cấp nhà ở vận động viên đơn nguyên 1,2,3,4 Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục, thể thao Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022; 137/QĐ-BQLDA ngày 05/9/2022	790,000		790,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	848/TB-KH&ĐT ngày 05/10/2022
8	Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà tập luyện 3 tầng	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 138/QĐ-BQLDA ngày 05/9/2022	452,000		452,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	848/TB-KH&ĐT ngày 05/10/2022
9	Cải tạo, nâng cấp Cung Thanh niên Hà Nội (số 37 Trần Bình Trọng)	1	140/QĐ-BQLDA ngày 05/9/2022	280,000		280,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	848/TB-KH&ĐT ngày 05/10/2022
10	Nâng cấp Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	1	30/NQ-HĐND 08/12/2021; 478/QĐ-BQLDA ngày 28/12/2021	2.626,000		2.626,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	761/TB-KH&ĐT ngày 07/9/2022
11	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 4562/QĐ-UBND ngày 19/11/2022; 82/QĐ-BQLDA ngày 22/7/2021	675,000		675,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	761/TB-KH&ĐT ngày 07/9/2022
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thiên Đức, huyện Gia Lâm	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022; 5468/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	375,000		375,000	UBND huyện Gia Lâm	748/TB-KH&ĐT ngày 26/8/2022
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Vàng - Dương Xá, huyện Gia Lâm	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022; 5356/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	470,000		470,000	UBND huyện Gia Lâm	699/TB-KH&ĐT ngày 15/8/2022
14	Cải tạo, nâng cấp đề tà Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn quận Hà Đông	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022; 3592/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	1.600,000		1.600,000	UBND quận Hà Đông	704/TB-KH&ĐT ngày 15/8/2022
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thạch Phú kết hợp làm đường giao thông huyện Mê Linh	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022; 3047/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	2.200,000		2.200,000	UBND huyện Mê Linh	704/TB-KH&ĐT ngày 15/8/2022
16	Cải tạo, nâng cấp đề tà Cà Lồ đoạn từ K0+00 đến Km20+252, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022; 5275/QĐ-UBND; 6272/QĐ-UBND	3.000,000		3.000,000	UBND huyện Sóc Sơn	704/TB-KH&ĐT ngày 15/8/2022
17	Cải tạo, nâng cấp đề Hưu Cầu đoạn từ Km28+828 và đề bờ sông Hưu Cầu đoạn từ Km25+350 đến Km26+00, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022	2.000,000		2.000,000	UBND huyện Sóc Sơn	704/TB-KH&ĐT ngày 15/8/2022
18	Xây dựng tuyến đường nối từ 23B đi cảng Chu Phan, huyện Mê Linh	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4327/QĐ-UBND 25/10/2021	2.000,000		2.000,000	UBND huyện Mê Linh	609/TB-KH&ĐT ngày 18/7/2022
19	Xây dựng tuyến đường Tiên Phong - Tự Lập, huyện Mê Linh	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4817/QĐ-UBND ngày 01/12/2022; 4299/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	1.800,000		1.800,000	UBND huyện Mê Linh	609/TB-KH&ĐT ngày 18/7/2022

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
20	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 đoạn từ Nguyễn Trãi (Quốc lộ 6) đến Đàm Hồng	1	21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021	476,825		476,825	UBND quận Thanh Xuân	558/TB-KH&ĐT ngày 04/7/2022
21	Cải tạo, nâng cấp đê Hữu Hồng trên địa bàn huyện Thanh Trì	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4381/QĐ-UBND ngày 10/11/2022; 2348/QĐ-UBND 06/5/2022	1.037,000		1.037,000	UBND huyện Thanh Trì	471/TB-KH&ĐT ngày 09/6/2022; 2638/KH&ĐT-KTN ngày 16/6/2022
22	Cải tạo, nâng cấp đê sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4342/QĐ-UBND 08/11/2021	1.700,000		1.700,000	UBND huyện Thường Tín	471/TB-KH&ĐT ngày 09/6/2022
23	Cải tạo, nâng cấp đê tả Bùi, Hữu Dáy, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 6131/QĐ-UBND 02/11/2021	4.000,000		4.000,000	UBND huyện Chương Mỹ	413/TB-KH&ĐT ngày 27/5/2022
24	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô	1	56/2022/QH15 16/6/2022	13.469,175		13.469,175		
	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận Thành phố HN		858/QĐ-BQLCTGT 03/10/2022	1.800,000		1.800,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận Thành phố Hà Nội		624/QĐ-BQLCTGT 11/8/2022; 853/QĐ-BQLCTGT 03/10/2022	300,000		300,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1081/TB-KH&ĐT ngày 24/11/2022
	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng hệ thống đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư		840/QĐ-BQLCTGT 30/9/2022; 784/QĐ-BQLCTGT 16/9/2022	11.369,175		11.369,175	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
25	Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 4563/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	190,000		190,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1043/TB-KH&ĐT ngày 11/11/2022
26	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố và cải tạo sửa chữa Hội trường tầng 3 Trụ sở HĐND Thành phố và UBND Thành phố	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 4721/QĐ-UBND ngày 25/11/2022; 254/QĐ-BQLDA ngày 04/10/202	330,000		330,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	980/TB-KH&ĐT ngày 31/10/2022
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 11175/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	1.300,000		1.300,000	UBND huyện Đông Anh	989/TB-KH&ĐT ngày 01/11/2022
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu N22 kết hợp làm đường giao thông, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 6897/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	300,000		300,000	UBND huyện Chương Mỹ	989/TB-KH&ĐT ngày 01/11/2022
29	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Đầm Mới, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 6898/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	260,000		260,000	UBND huyện Chương Mỹ	989/TB-KH&ĐT ngày 01/11/2022
30	Xây dựng Trung tâm pháp y Hà Nội	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 258/QĐ-BQLDADD 05/10/2022	497,000		497,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	999/TB-KH&ĐT ngày 02/11/2022

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
31	Xây dựng Bệnh viện Tim Hà Nội cơ sở 2	1	138/QĐ-BQLDADD ngày 05/9/2022; 22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	726,000		726,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	999/TB-KH&ĐT ngày 02/11/2022
32	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Hòa Nhài tại trụ sở số 17 phố Hòa Nhài, phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, TPHN	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 140/QĐ-BQLDADD ngày 06/9/2022	206,000		206,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	999/TB-KH&ĐT ngày 02/11/2022
33	Xây dựng, cá tạo trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 4742/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	320,000		320,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1017/TB-KH&ĐT ngày 07/11/2022
34	Dự án xây dựng cầu Mụ huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	1	CTr: 3783/QĐ-UBND ngày 15/7/2019; số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 6500/QĐ-SGTVT ngày 17/11/2022	270,000		270,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	756/TB-KH&ĐT ngày 05/9/2022
35	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy, huyện Quốc Oai	1	CTr: 1824/QĐ-UBND ngày 17/4/2019; 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	300,000		300,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	756/TB-KH&ĐT ngày 05/9/2022
36	Dự án xây dựng đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ, đoạn qua địa phận huyện Thường Tín và huyện Phú Xuyên	1	CTr: số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019; số 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021	1.000,000		1.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	756/TB-KH&ĐT ngày 05/9/2022
37	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu 72-II trên đường tỉnh 423	1	CTr: số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019; số 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	350,000		350,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	756/TB-KH&ĐT ngày 05/9/2022
C	Thanh quyết toán dự án hoàn thành	110		171.064,999	71.065,000	99.999,999696		
1	Lắp đặt khăn cấp trạm bơm dã chiến Quang Lăng, huyện Phú Xuyên	1	2057/QĐ-SNN ngày 30/10/2019; 4552/QĐ-STC ngày 19/7/2021	3.157,534	3.157,534		Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi sông Nhuệ	
2	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng, đoạn từ K26+100 đến K26+600 thuộc khu vực hạ lưu kè Cam Thượng trên địa bàn xã Cam Thượng huyện ba Vì và xã Đường Lâm, tx Sơn Tây	1	2064/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 7734/QĐ-STC ngày 27/11/2020; 6839/QĐ-STC ngày 29/10/2021	1.244,866	1.244,866		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
3	Xử lý cấp bách sự cố hư hỏng công Nhà Tráng trên đê hữu Bùi, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	1	1760/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 2568/QĐ-STC ngày 04/5/2021	51,930	51,930		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
4	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông tương ứng K2+200 đến K2+500 đê hữu Cà Lồ thuộc xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	1762/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 6673/QĐ-STC ngày 25/10/2021	344,011	344,011		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
5	Xử lý cấp bách hộ chân chống trượt cơ kè đoạn cuối kè Thanh Diêm (tương ứng K33+950 đến K34+200 trên tuyến đê sông Hồng), thuộc xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	1765/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 756/QĐ-STC ngày 29/01/2021	107,061	107,061		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/đợt toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông tương ứng từ K8+650 đến K9+065 (điểm cuối tiếp giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh) để hữu Cà Lồ thuộc xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	1	2055/QĐ-SNN ngày 30/10/2020; 6674/QĐ-STC ngày 25/10/2021	603,429	603,429		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
7	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Bờ sông Bùi đoạn qua thôn Thượng và đoạn qua thôn Yên Cốc, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	1	37/QĐ-SNN ngày 14/01/2020; 4046/QĐ-STC ngày 30/6/2021	164,498	164,498		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
8	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở để bao Thuần Lương, để bao thôn Hòa Bình, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ	1	1768/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 2620/QĐ-STC ngày 06/5/2021	170,259	170,259		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
9	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở để hữu Bùi II đoạn qua 3 xã Hoàng Văn Thụ, Tân Tiến, Nam Phương Tiến	1	2102/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 3952/QĐ-STC ngày 28/6/2021	257,412	257,412		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
10	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Đồng Sờ, Đê Mỹ Thượng xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ	1	2104/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 1685/QĐ-STC ngày 24/3/2021	2.113,534	2.113,534		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
11	Xử lý cấp bách sự cố sạt trượt mái để hữu Đáy khu vực K13+450 thuộc địa bàn thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	1	378/QĐ-SNN ngày 01/4/2020; 5264/QĐ-STC ngày 18/8/2021; 6669/QĐ-STC ngày 25/10/2021	427,875	427,875		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
12	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Tả Tích đoạn từ cống Khúc Vay xã Cận Hữu đến trạm bơm Đông Sơn huyện Chương Mỹ	1	443/QĐ-SNN ngày 14/4/2020; 4770/QĐ-STC ngày 27/7/2021	427,875	427,875		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
13	Xử lý cấp bách chống sạt lở kè Thuần Mỹ từ K1+450 đến K2+250 để hữu Đà, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	1	483/QĐ-SNN ngày 17/4/2020; 7731/QĐ-STC ngày 27/11/2020	494,124	494,124		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
14	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở để Đê Đồng Trôi xã Thụy Xuân Tiến, huyện Chương Mỹ	1	484/QĐ-SNN ngày 17/4/2020; 8708/QĐ-STC ngày 31/12/2020	556,877	556,877		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
15	Xử lý cấp bách sự cố xói lở chân kè Cỏ Đê đoạn từ K7+110 (mô hàn số 9) đến K7+420 (sau mô hàn số 1050m) để hữu Hồng, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì	1	490/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 8140/QĐ-STC ngày 15/12/2020	654,627	654,627		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
16	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Cầu, khu vực xóm 11, thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	1	491/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 8694/QĐ-STC ngày 31/12/2020	510,140	510,140		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
17	Xử lý cấp bách sự cố hư hỏng tường chắn phía chân đê giáp ngõ 733 đường Minh Khai, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng	1	492/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 8709/QĐ-STC ngày 31/12/2020	10,865	10,865		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
18	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở kè Sen Hồ, để hữu Đường, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	1	2106/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 4030/QĐ-STC ngày 29/6/2021	554,358	554,358		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
19	Xử lý cấp bách chống sạt lở mái để hữu Đáy từ K12+400 Đến K12+520 xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai	1	1959/QĐ-SNN ngày 28/10/2020; 4144/QĐ-STC ngày 05/7/2021	39,467	39,467		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
20	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Cà Lồ, xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh	1	2057/QĐ-SNN ngày 06/11/2020; 4351/QĐ-STC ngày 12/7/2021	431,157	431,157		Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
21	Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Ngọc Sơn	1	Sô 4985/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 8675/QĐ-STC ngày 31/12/2020.	5.131,089	5.131,089		Sở Văn hóa và Thể thao	
22	Xử lý cấp bách sự cố sập Cổng qua đê Đồng Ao, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai	1	1955/QĐ-SNN ngày 21/10/2019; 7903/QĐ-STC ngày 04/12/2020; 6675/QĐ-STC ngày 25/10/2021	460,456	460,456		UBND huyện Quốc Oai	
23	Xử lý cấp bách sửa chữa Đập Vai Đanh xã Phú Cát. Huyện Quốc Oai	1	269/QĐ-SNN ngày 11/3/2020; 4062/QĐ-STC ngày 30/6/2021	2.046,815	2.046,815		UBND huyện Quốc Oai	
24	Cải tạo, chỉnh trang đồng bộ HTKT tuyến đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên	1	2286/QĐ-UBND ngày 20/5/2011; 6763/QĐ-STC ngày 10/10/2019	3.703,072	3.703,072		UBND quận Long Biên	
25	XD tuyến đường từ khu TT Hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (Giai đoạn 2)	1	5992/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 937/QĐ-STC ngày 05/02/2021	5.405,837	5.405,837		UBND huyện Mê Linh	
26	Đường Trần Đăng Ninh kéo dài, quận Cầu Giấy	1	3674/QĐ-UBND ngày 10/4/2019; 5862/QĐ-STC ngày 17/9/2021	3.056,963	3.056,963		UBND quận Cầu Giấy	
27	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Trung thủy nông, xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	1	1416 /QĐ-SNN ngày 31/7/2019; 4548/QĐ-STC ngày 19/7/2021	2.362,843	2.362,843		UBND huyện Gia Lâm	
28	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Hoà Xá, Ứng Hoà	1	347/QĐ-UBND ngày 10/8/2010; 3327/QĐ-STC ngày 24/5/2019	140,897	140,897		UBND huyện Ứng Hòa	
29	Xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến đường tỉnh 425, 426, 429B trên địa bàn huyện Ứng Hòa	1	705/QĐ-SNN ngày 17/7/2020; 4706/QĐ-STC ngày 26/7/2021	1.700,950	1.700,950		UBND huyện Ứng Hòa	
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện từ Km2+700,2 đến Km4+700,2	1	5252/QĐ-UBND ngày 22/10/2010; 2148/QĐ-STC ngày 13/4/2021	1.229,379	478,704	750,674510	UBND thị xã Sơn Tây	
31	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Lương đoạn từ trạm bơm Đồng Lạc đến trạm bơm Mai Trang huyện Phú Xuyên	1	01/QĐ-SNN ngày 02/01/2019; 7730/QĐ-STC ngày 27/11/2020	837,996	837,996		UBND huyện Phú Xuyên	
32	Xây dựng Trạm y tế phường Mai Động	1	6089/QĐ-UBND ngày 29/08/2014; 8914/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	152,627	152,627		UBND quận Hoàng Mai	
33	Xây dựng, cải tạo GĐ I Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng	1	1941/QĐ-SGDĐT ngày 12/10/2020; 8591/QĐ-STC ngày 30/12/2020	13.387,669	13.387,669		Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố
34	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục huyện Chương Mỹ	1	4849/QĐ-SNN ngày 25/10/2012; 2107/QĐ-STC ngày 12/4/2021	1.177,192	1.177,192		Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và NN Thành phố
35	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Đồng Ngạc, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	1	4463/QĐ-UBND ngày 24/8/2018; 3719/QĐ-STC ngày 18/6/2021	583,802	583,802		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
36	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	1	4652/QĐ-UBND ngày 05/9/2018; 4717/QĐ-STC ngày 26/7/2021	898,554	898,554		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố
37	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	1	4047/QĐ-UBND ngày 10/9/2020; 5050/QĐ-STC ngày 09/8/2021	130,840	130,840		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố
38	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	4620/QĐ-UBND ngày 14/10/2020; 5049/QĐ-STC ngày 09/8/2021	16,967	16,967		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố
39	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	3979/QĐ-UBND ngày 04/9/2020; 4452/QĐ-STC ngày 15/7/2021	12,668	12,668		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố
40	Đầu tư xây dựng đồn CA Tiên Phong, huyện Mê Linh thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	4172/QĐ-UBND ngày 17/9/2020; 5051/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	14,768	14,768		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố
41	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đồn Công an Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Huyện Thạch Thất	1	6554/QĐ-UBND ngày 03/12/2018; 3964/QĐ-UBND ngày 03/9/2020; 8406/QĐ-STC ngày 25/12/2020; 4944/QĐ-STC ngày 08/4/2021	2.228,841	2.228,841		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	Nay là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố
42	Công hóa kênh Lạc Trung đoạn từ dốc Minh Khai đến sông Kim Ngưu	1	7980/QĐ-UBND ngày 16/11/2017; 7358/QĐ-UBND ngày 27/12/2019; 2496/QĐ-STC ngày 28/4/2021	1.389,970	1.389,970		Ban QLDA ĐTXD công trình Cấp nước, thoát nước và môi trường	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và NN Thành phố
43	Dự án đầu tư xây dựng cầu Mỹ Hòa (cầu Bớt Xuyên) vượt sông Đáy - qua địa bàn huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	4305/QĐ-UBND ngày 15/7/2013; 6551/QĐ-STC ngày 09/10/2020	351,425	351,425		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
44	Cầu Ba Thá Km24+010 ĐT429 (ĐT73)	1	1781/QĐ-GTVT ngày 28/10/2009; 8427/QĐ-STC ngày 25/12/2020	3.645,878	3.645,878		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
45	Dự án xây dựng cầu Zét, huyện Chương Mỹ	1	1196/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011; 5709/QĐ-STC ngày 10/9/2021	1.648,042	1.648,042		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
46	Đầu tư xây dựng công trình cầu Phú Tiên vượt sông Nông Giang nối hai huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội với huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	1	2074/QĐ-SGTVT ngày 22/9/2016; 6642/QĐ-STC ngày 13/10/2020	529,187	529,187		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
47	XD khu tái định cư CT1 và chi phí CBĐT khu tái định cư CT5	1	752/QĐ-UBND ngày 15/9/2008; 5780/QĐ-STC ngày 08/9/2020	2.944,911	2.944,911		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
48	Đầu tư xây dựng cầu Chùa Dầu, huyện Đan Phượng	1	1812/QĐ-UBND ngày 16/04/2018; 2108/QĐ-STC ngày 12/4/2021	1.079,650	1.079,650		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
49	Xây dựng cầu bắc qua sông Sét nối ngõ 553 – ngõ 543 đường Giải Phóng	1	5701/QĐ-UBND ngày 23/10/2018; 1777/QĐ-STC ngày 29/3/2021	708,776	708,776		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
50	Dự án xây dựng đường kết nối Đại lộ Thăng Long với đường gom tại Km25-Km26 huyện Thạch Thất	1	3203/QĐ-UBND ngày 13/06/2019; 4085/QĐ-STC ngày 01/7/2021	1.822,230	1.822,230		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
51	Xây dựng công trình cầu Phó Hồng huyện Phú Xuyên	1	3202/QĐ-UBND ngày 13/6/2019; 2709/QĐ-STC ngày 10/5/2021	414,798	414,798		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
52	Đường tỉnh lộ 426 (ĐT. 78 cũ) đoạn Km0-Km7+900	1	127/QĐ-SGTVT ngày 03/02/2015; 611/QĐ-STC ngày 04/02/2020	278,685	278,685		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
53	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ	1	3094/QĐ-UBND ngày 13/7/2020; 8350/QĐ-STC ngày 28/12/2021	2.024,873		2.024,873000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
54	Xây dựng công trình biểu tượng Cột Cờ Hà Nội tại tỉnh Cà Mau	1	4164/QĐ-UBND ngày 05/8/2019; 8437/QĐ-STC ngày 30/12/2021	10.064,373		10.064,372969	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
55	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1	6114/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5514/QĐ-STC ngày 30/9/2022	832,738		832,738000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
56	Xây dựng trụ sở Đội Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 15 (Ứng Hòa) thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	6016/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5512/QĐ-STC ngày 30/9/2022	717,040		717,040000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
57	Xây dựng trụ sở Đội Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 11 (Gia Lâm) thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	6017/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5513/QĐ-STC ngày 30/9/2022	658,918		658,918200	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
58	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà tập thể chung cư phục vụ SEA Games 31 và Para Games 11 năm 2021	1	3074/QĐ-UBND ngày 10/7/2020; 5828/QĐ-STC ngày 14/10/2022	400,261		400,261000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
59	Cải tạo, nâng cấp công trình sân vận động Hà Đông phục vụ SEA Games 31 năm 2021	1	3122/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; 5381/QĐ-STC ngày 27/9/2022	719,569		719,568675	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
60	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đức Giang	1	5745/QĐ-UBND ngày 09/12/2011; 4186/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	18.611,793		18.611,792834	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
61	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà tập thể, Judo, Đá cầu phục vụ luyện tập, thi đấu Sea games 31 và Para games 11 năm 2021	1	3127/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; 5978/QĐ-STC ngày 20/10/2022	2.595,474		2.595,474000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
62	Cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	1	6036/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 8435/QĐ-STC ngày 30/12/2021	1.813,880		1.813,880000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
63	Trường Trung cấp nghề số 1 Hà Nội - giai đoạn 2	1	3949/QĐ-UBND ngày 23/7/2019; 8543/QĐ-STC ngày 31/12/2021	4.302,610		4.302,609900	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
64	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải gây ô nhiễm môi trường tại Trại tạm giam số 2 thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	6004/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 8351/QĐ-STC ngày 28/12/2021	2.230,927		2.230,927000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
65	Xây dựng trụ sở phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 13 (Đan Phượng) thuộc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Hà Nội	1	3593/QĐ-UBND ngày 16/7/2018; 6836/QĐ-STC ngày 29/10/2021	2.653,755		2.653,754880	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
66	Cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Khoái (đoạn từ nút giao Lương yên đến nút giao với đường Vành đai I)	1	7611/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 8441/QĐ-STC ngày 30/12/2021	4.750,361		4.750,361000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
67	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Quốc lộ 21B (Xóm), quận Hà Đông	1	6122/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1042/QĐ-STC ngày 28/02/2022	344,758		344,758000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
68	Xây dựng cầu 76, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	6086/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1506/QĐ-STC ngày 25/3/2022	1.667,935		1.667,935000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
69	Đầu tư xây dựng cầu Vân Từ, huyện Phú Xuyên	1	5638/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; 722/QĐ-STC ngày 28/01/2022	4.774,519		4.774,519000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
70	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Phúc La – Văn phú, quận Hà Đông	1	6074/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1734/QĐ-STC ngày 05/4/2022	759,457		759,457000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
71	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Cổ Linh, quận Long Biên	1	4992/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; 1733/QĐ-STC ngày 05/4/2022	464,456		464,456000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
72	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ngo, huyện Phú Xuyên	1	5639/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; 2737/QĐ-STC ngày 24/5/2022	1.125,828		1.125,828000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
73	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ gần nút giao Nguyễn Hữu Thọ - Linh Đường, quận Hoàng Mai	1	6083/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2766/QĐ-STC ngày 25/5/2022	203,178		203,178000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
74	Xây dựng Cầu Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai và huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	1	7607/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 3005/QĐ-STC ngày 07/6/2022	1.770,384		1.770,384000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
75	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1	6123/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2764/QĐ-STC ngày 25/5/2022	998,230		998,229800	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
76	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng	1	6084/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3580/QĐ-STC ngày 01/7/2022	214,566		214,566000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
77	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Xuân La, quận Tây Hồ	1	5542/QĐ-UBND ngày 07/10/2019; 3448/QĐ-STC ngày 27/6/2022	220,285		220,285000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
78	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Quốc Hoàn, quận Cầu Giấy	1	6088/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3792/QĐ-STC ngày 13/7/2022	245,391		245,391000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
79	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy	1	6085/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3793/QĐ-STC ngày 13/7/2022	202,254		202,254000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
80	Xây dựng cầu Đĩa Muối, huyện Thanh Oai	1	6087/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3951/QĐ-STC ngày 20/7/2022	570,288		570,288000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
81	Xây dựng cầu Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	1	1743/QĐ-UBND ngày 14/4/2021; 3805/QĐ-STC ngày 14/7/2022	4.425,713		4.425,713000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
82	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa	1	979/QĐ-UBND ngày 06/3/2020; 5383/QĐ-STC ngày 27/9/2022	379,056		379,056000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
83	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường đoạn từ cầu Long Biên – Bắc Cỗ - Cầu Vĩnh Tuy	1	5850/QĐ-UBND ngày 27/9/2013; 2914/QĐ-STC ngày 01/6/2022; 5253/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	573,761		573,761000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
84	Xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị Royal City đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng (thuộc tuyến đường nối từ phố Quan Nhân đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng)	1	6188/QĐ-UBND ngày 14/10/2013; 5535/QĐ-STC ngày 30/9/2022	382,841		382,841000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
85	Xây dựng cầu Nam Hồng (cầu Máng 7), huyện Phú Xuyên	1	6079/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 5534/QĐ-STC ngày 30/9/2022	1.336,066		1.336,066000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
86	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phú Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	1	5569/QĐ-UBND ngày 28/10/2014; 3539/QĐ-STC ngày 30/6/2022	523,138		523,138000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	
87	Xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	1	3117/QĐ-UBND ngày 25/6/2010; 8562/QĐ-STC ngày 31/12/2021	10.130,349		10.130,349228	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	
88	Xây mới nhà học nghề và thể chất Làng trẻ em Birla Hà Nội	1	6145/QĐ-UBND ngày 01/11/2019; 946/QĐ-STC ngày 28/01/2022	23,572		23,572000	Làng trẻ em Birla Hà Nội	
89	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Đáy khu vực dân cư xóm 8, xóm 9 đến tiếp giáp kè Hòa Chính và bờ tả sông Bùi xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	2402/QĐ-SNN ngày 28/12/2020; 686/QĐ-STC ngày 28/01/2022	118,814		118,814000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
90	Xử lý cấp bách sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua thôn Cấp Tiến và xóm 6-8, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	2073/QĐ-SNN ngày 09/11/2020; 1487/QĐ-STC ngày 24/3/2022	123,016		123,016000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
91	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua thôn Mỹ Lương, xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ	1	2111/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 6493/QĐ-STC ngày 15/10/2021	157,706		157,706000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
92	Xử lý cấp bách sạt lở bờ sông từ nhà thờ Đa Ngự đầu kè Mộc Xá, thuộc bờ tả sông Đáy, thôn Đa Ngự, xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	1	32/QĐ-SNN ngày 14/01/2019; 1591/QĐ-STC ngày 19/3/2021	460,565		460,565000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
93	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Cà Lồ tương ứng từ K15+400 đến K15+700 đê Cà Lồ thuộc thôn Đại Tào, xã Xuân Giang và sạt lở thượng lưu đê bồi sông Cà Lồ thôn Yên Phú, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	496/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 3118/QĐ-STC ngày 13/6/2022	92,445		92,445000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
94	Xử lý cấp bách nạo vét bồi lắng cục bộ, các lợi hà trên sông Bùi, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	2103/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 3956/QĐ-STC ngày 20/7/2022	1.539,460		1.539,460000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
95	Xử lý cấp bách sạt lở bờ sông Đà (đoạn từ bến phà cũ đến gốc Gạo), xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	2092/QĐ-SNN ngày 10/11/2020; 4079/QĐ-STC ngày 26/7/2022	762,434		762,434000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
96	Xử lý cấp bách sạt lở mái thượng lưu đê tả Đáy từ K61+380 đến K61+540 xã Đông Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	862/QĐ-SNN ngày 30/3/2021; 4195/QĐ-STC ngày 29/7/2022	154,767		154,767000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
97	Xử lý cấp bách sạt lở mái đê tả Cà Lồ từ K1+800 đến K2+050 thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	861/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; 6696/QĐ-STC ngày 15/11/2022	715,943		715,943000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
98	Cải tạo, nâng cấp Cung Thiếu nhi Hà Nội	1	6637/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 7908/QĐ-STC ngày 15/12/2021	874,074		874,074000	Thành đoàn Hà Nội	
99	Xây dựng hệ thống cấp nước cho 04 xã bị mất đất phục vụ dự án mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ và các xã vùng lân cận huyện Ba Vì (giai đoạn 1)	1	2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2011; 6813/QĐ-STC ngày 29/10/2021	246,892		246,892125	UBND huyện Ba Vì	
100	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tại vị trí K26+00 - K26+600 xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017; 6839/QĐ-STC ngày 29/10/2021	66,041		66,041000	UBND huyện Ba Vì	
101	Xử lý chống sạt lở bờ hữu sông Hồng thuộc địa bàn xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	6030/QĐ-UBND ngày 09/11/2015; 6837/QĐ-STC ngày 29/10/2021	429,238		429,238017	UBND huyện Ba Vì	
102	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng từ K5+00 đến K5+850, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì	1	1902/QĐ-SNN ngày 14/10/2019; 3323/QĐ-STC ngày 21/6/2022	2.745,578		2.745,578000	UBND huyện Ba Vì	
103	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 417 (tỉnh lộ 83 cũ) đoạn km0 đến km3+700, huyện Đan Phượng	1	7724/QĐ-UBND ngày 06/11/2017; 8544/QĐ-STC ngày 31/12/2021	312,000		312,000000	UBND huyện Đan Phượng	
104	Xây dựng đường đê tả sông Hồng từ Đông Dư đi Bát Trảng, huyện Gia Lâm	1	9010/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 7607/QĐ-STC ngày 01/12/2021	3.348,842		3.348,842000	UBND huyện Gia Lâm	
105	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua khu dân cư giáp cầu Phùng Xá, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	7550/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 3128/QĐ-STC ngày 13/6/2022	800,748		800,748000	UBND huyện Mỹ Đức	
106	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ) đoạn Km0 - Km0+600, huyện Phúc Thọ	1	291/QĐ-KH&ĐT ngày 26/8/2013; 7604/QĐ-STC ngày 01/12/2021	213,663		213,663000	UBND huyện Phúc Thọ	
107	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trục đường tỉnh 417, 418 đoạn qua địa bàn huyện Phúc Thọ	1	3244/QĐ-UBND ngày 18/6/2019; 7605/QĐ-STC ngày 01/12/2021	825,328		825,328000	UBND huyện Phúc Thọ	
108	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê bao Đồng Giáp xã Cần Hữu	1	2046/QĐ-SNN ngày 29/10/2019; 1488/QĐ-STC ngày 24/3/2022	186,695		186,695000	UBND huyện Quốc Oai	
109	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê Đông Thượng, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai	1	2027/QĐ-SNN ngày 28/10/2019; 8545/QĐ-STC ngày 31/12/2021	1.245,988		1.245,988212	UBND huyện Quốc Oai	
110	Chỉnh trang cải tạo lắp đặt chiếu sáng tuyến đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ tịch, xã Nghiêm Xuyên, đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú - Hiền, huyện Thường Tín	1	358/QĐ-KH&ĐT ngày 23/10/2013; 8434/QĐ-STC ngày 30/12/2021	116,491		116,491346	UBND huyện Thường Tín	

Phụ lục 2.2

CẬP NHẬT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 ĐỐI VỚI DỰ ÁN THỰC HIỆN THANH TOÁN THEO CƠ CHẾ THANH TOÁN LINH HOẠT NGUỒN VỐN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
(Kèm theo Báo cáo số **436**/BC-UBND ngày **06**/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt hàng năm				
					Tổng	Năm 2021			Năm 2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng	12		2.750.674,955	631.716,955	67.344,955	564.372		
1	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh	1	7612/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1886/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	70.000	1.242	1.242		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
2	Công hoá và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	1	6343/QĐ-UBND ngày 18/11/2016; 1696/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	205.000	27.028	27.028		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185-Km189), huyện Thanh Trì	1	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND 23/4/2019; 1310/QĐ-UBND 17/3/2021	320.000	3.600	3.600		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
4	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến công trường Đại học Công đoàn	1	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017; 4437/QĐ-UBND 02/10/2020	470.000	20.800	20.800		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
5	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1	417/QĐ-UBND 29/01/2007; 528/QĐ-UBND 29/01/2016; 5702/QĐ-UBND 23/10/2018; 4356/QĐ-UBND 16/8/2019; 3437/QĐ-UBND 05/8/2020	908	908	908		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
6	Xây dựng đường Trần Phú - Kim Mã	1	2576/QĐ-GTVT 28/1/2015; 4672/QĐ-UBND 07/10/2011; 2075/QĐ-UBND 17/4/2014	3.604	3.604	3.604		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
7	Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội	1	1837/QĐ-UBND 10/5/2007; 1821/QĐ-UBND 22/02/2013; 826/QĐ-UBND 18/02/2016; 755/QĐ-UBND 22/02/2007; 4464/QĐ-UBND 25/7/2013	25	25	25		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
8	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	1	7998/QĐ-UBND 16/11/2017; 2048/QĐ-UBND 19/5/2020; 702/QĐ-UBND 08/02/2021	80	80	80		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
9	Xây dựng đường Vành đai 2 (đoạn ngã tư Sở- Ngã tư Vọng)	1	5247/QĐ-UBND 02/10/2018	9.262	9.262	9.262		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Trước kia là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp Thành phố

Trước kia là Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp Thành phố

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án/dự toán/quyết toán	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh-toán theo cơ chế linh hoạt hàng năm				
					Tổng	Năm 2021			Năm 2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội giai đoạn II	1	4315/QĐ-UBND 28/9/2006; 2304/QĐ-UBND 12/6/2008; 2940/QĐ-UBND 28/6/2012; 3947/QĐ-UBND 24/7/2014	795,955	795,955	795,955	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và NN Thành Phố	Trước kia là Ban QLDA ĐTXD công trình Cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố	
11	Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm	1	5849/QĐ-UBND 21/10/2019; 878/QĐ-UBND 10/3/2022	150.000	24.637		24.637	UBND huyện Gia Lâm	312/TB-KHĐT-THQH ngày 27/4/2022
12	Xây dựng đường Vành đai I (đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục)	1	5757/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1322/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; 1742/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	1.521.000	539.735		539.735	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	312/TB-KHĐT-THQH ngày 27/4/2022

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 MỘT SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số **436** /BC-UBND ngày **06** /12/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện DA	Chủ trương/Quyết định đầu tư		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025 đến thời điểm báo cáo	Ước lý kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH năm 2022	KHV năm 2023 đã báo cáo	Điều chỉnh so với phương án đã báo cáo	KHV năm 2023 sau cập nhật, bổ sung	Điều chỉnh KHV trung hạn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch đầu tư trung hạn sau điều chỉnh	CT HT 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG	9			5.404.518	4.020.000	277.733	147.000	148.000	295.000		40.000	4.060.000	1		
	<i>Trong đó:</i>															
a	Dự án chuyển tiếp	2			558.298	185.000	277.033	147.000	-122.000	25.000		40.000	225.000	1		
b	Dự án khởi công mới năm 2023	7			4.846.220	3.835.000	700		270.000	270.000			3.835.000			
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			94.856	85.000			10.000	10.000			85.000			
a	Dự án chuyển tiếp															
b	Dự án khởi công mới năm 2023	1			94.856	85.000			10.000	10.000			85.000			
1	Xây dựng, cải tạo Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	1	2023-2025	22/NQ-HĐND 12/9/2022; 4742/QĐ-UBND 28/11/2022	94.856	85.000			10.000	10.000			85.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Dự án mới được phê duyệt dự án; bố trí vốn để thực hiện dự án
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1			214.588	170.000	700		45.000	45.000			170.000			
a	Dự án chuyển tiếp															
b	Dự án khởi công mới năm 2023	1			214.588	170.000	700		45.000	45.000			170.000			
1	Nâng cấp Bệnh viện Tâm Thần Hà Nội	1	2021-2024	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 4562/QĐ-UBND 19/11/2022	214.588	170.000	700		45.000	45.000			170.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Dự án mới được phê duyệt dự án; bố trí vốn để thực hiện dự án
III	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1			288.000	210.000			90.000	90.000			210.000			
a	Dự án chuyển tiếp															
b	Dự án khởi công mới năm 2023	1			288.000	210.000			90.000	90.000			210.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng đường từ tỉnh lộ 419 đi tỉnh lộ 425 (thuộc quần thể khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn với khu di tích Tam Chúc - Khả Phong tỉnh Hà Nam), huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 4554/QĐ-UBND 18/11/2022	288.000	210.000			90.000	90.000			210.000		UBND huyện Mỹ Đức	Dự án mới được phê duyệt dự án; bố trí vốn để thực hiện dự án (thiết kế bản vẽ thi công, khởi công và thi công)
IV	Lĩnh vực thủy lợi	1			173.281		104.033	40.000	-15.000	25.000		40.000	40.000			
a	Dự án chuyển tiếp	1			173.281		104.033	40.000	-15.000	25.000		40.000	40.000			
1	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sắn, huyện Thạch Thất (phần kênh và công trình trên kênh)	1	2016-2023	7938/QĐ-UBND 27/12/2013; 5956/QĐ-UBND 31/10/2018; 3990/QĐ-UBND 07/9/2020; 4077/QĐ-UBND 27/10/2022	173.281		104.033	40.000	-15.000	25.000		40.000	40.000		UBND huyện Thạch Thất	Huyện báo cáo năm 2023 sự kiến thực hiện và hấp thụ được 25 tỷ đồng do còn phải điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và tổ chức đấu thầu gói thầu hạng mục kênh, hồ điều hòa

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện DA	Chủ trương/Quyết định đầu tư		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025 đến thời điểm báo cáo	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH năm 2022	KHV năm 2023 đã báo cáo	Điều chỉnh so với phương án đã báo cáo	KHV năm 2023 sau cập nhật, bổ sung	Điều chỉnh KHV trung hạn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch đầu tư trung hạn sau điều chỉnh	CT HT 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
V	Lĩnh vực giao thông	4			4.526.493	3.465.000	173.000	107.000	-72.000	35.000			3.465.000	1		
a	Dự án chuyển tiếp	1			385.017	185.000	173.000	107.000	-107.000				185.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan), huyện Thạch Thất	1	2019-2023	6058/QĐ-UBND 31/10/2019; 15/QĐ-UBND 05/01/2022	385.017	185.000	173.000	107.000	-107.000				185.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Dự án có vướng mắc về GPMB, đang thực hiện xây dựng hạ tầng tái định cư. Chủ đầu tư đề xuất năm 2023, bố trí ngân sách huyện để thực hiện GPMB (thuộc trách nhiệm của Huyện theo quyết định phê duyệt dự án)
b	Dự án khởi công mới năm 2023	3			4.141.476	3.280.000			35.000	35.000			3.280.000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	1	2022-2026	22/NQ-HĐND 12/9/2022; 4563/QĐ-UBND 19/11/2022	2.384.242	1.770.000			20.000	20.000			1.770.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Dự án mới được phê duyệt dự án; bố trí vốn để thực hiện dự án
2	Tuyến đường từ vành đai 3,5 đến đường nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến Khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	2022-2026	30/NQ-HĐND 08/12/2021; 4727/QĐ-UBND 28/11/2022	966.404	890.000			5.000	5.000			890.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Bố trí vốn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
3	Xây dựng tuyến đường Tiên Phong - Tự lập, huyện Mê Linh (giai đoạn 1)	1	2022-2024	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 4817/QĐ-UBND 01/12/2022	790.830	620.000			10.000	10.000			620.000		UBND huyện Mê Linh	Dự án mới được phê duyệt dự án; bố trí vốn để thiết kế bản vẽ thi công
VI	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1			107.300	90.000			90.000	90.000			90.000			
a	Dự án chuyển tiếp															
b	Dự án khởi công mới năm 2023	1			107.300	90.000			90.000	90.000			90.000			
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố và Cải tạo sửa chữa Hội trường tầng 3 Trụ sở HĐND Thành phố và UBND Thành phố	1	2022-2024	22/NQ-HĐND 12/9/2022; 4721/QĐ-UBND 25/11/2022	107.300	90.000			90.000	90.000			90.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Dự án mới được phê duyệt dự án; bố trí vốn để thực hiện dự án

Phụ lục: 4
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số **436** /BC-UBND ngày **06** /12/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Đanh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,...để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Dã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ	18	79	97				4.209.182	80.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	1.713.050	151.000	76		
	Dự án chuyển tiếp	10	70	80				3.047.655	80.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	1.313.050	151.000	73		
	Dự án khởi công mới năm 2023	8	9	17				1.161.527								400.000		3		
1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	13	29					2.633.859		453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	976.700		28		
a	Dự án chuyển tiếp	6	25					1.717.986		453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	676.500		27		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông trục nối trung tâm xã Phú Phương đến TL411		1	xã Phú Phương	2022-2023	Cải tạo nâng cấp đường trục trung tâm, tổng chiều dài tuyến dự kiến: 3,0Km..	7725/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.850		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	UBND huyện Ba Vi	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các thôn xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2022-2023	Tổng chiều dài khoảng 3,5km, kết cấu mặt đường BTXM rộng từ 3-5m	7746/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.900		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	9.500		1	UBND huyện Ba Vi	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các thôn xã Khánh Thượng		1	xã Khánh Thượng	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến đường 1,=3,5km.	774/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.900		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	10.000		1	UBND huyện Ba Vi	
4	Đường nối QL32 đi đường tránh QL32		1	Thị trấn Tây Đằng	2022-2023	Tổng chiều dài dự án khoảng 1,= 450m, đường BT nhựa, Bm= 4,0-7,0m	7750/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	7.000		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	2.500		1	UBND huyện Ba Vi	
4	Cải tạo nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước đường nối TL414 đi các thôn xã Tân Lĩnh		1	xã Tân Lĩnh	2022-2023	Chiều dài dự kiến 1,=10,4km;	7749/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	35.716		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	19.500		1	UBND huyện Ba Vi	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMBT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
5	Cải tạo, nâng cấp đường trục các thôn Bãi Nha, thỊnh Thôn xã Cam Thượng		1	xã Cam Thượng	2022-2023	Tổng chiều dài L=3,85km, Bm=3,5-6m, Hm=3-6m.	7747/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.925		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	9.500		1	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao từ TL411 nối đường liên xã Phú Đông - Phú Cường		1	xã Phú Đông, Phú Cường	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến L=4,5km, Bm=9m, Bm=7m, công ngang đường, ATGT	7741/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	44.368		14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	26.000		1	UBND huyện Ba Vì	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao từ TL411 đi Phú Đông - Phong Vân		1	xã Phú Đông	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến L=4km, Bm= 4,5-7m	7726/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	33.400		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	20.000		1	UBND huyện Ba Vì	
8	Nâng cấp, cải tạo đường trục chính từ Kênh TH3, thôn Thuận An, xã Thái Hòa đi đường dẫn Cầu Văn Lang		1	xã Thái Hòa	2022-2023	Tổng chiều dài không L=3,8km, B nền: 15m; B mặt 7m, B nền: 3,5-8m;	7730/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	45.000		13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	26.500		1	UBND huyện Ba Vì	
9	Mở rộng tuyến đường từ đường Truyền Thống đến TL428 xã Phúc Tiến		1	Xã Phúc Tiến	2022-2023	L=742,8m, B=7,5m	2368/QĐ-UBND ngày 23/5/2022; 3703/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.894		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.500		1	UBND xã Phúc Tiến	
10	Đường giao thông thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên (giai đoạn 3), Phúc Tiến		1	Xã Phú Yên, Phúc Tiến	2022-2023	L=418,49m, B=18m	1724/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 3702/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.800		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	10.000		1	UBND xã Phú Yên	
11	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông trục xã Phong Vân từ TL411 nối đê Hữu Hồng		1	xã Phong Vân	2022-2023	L=4,5km, Bm= 5,5m,	7743/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	30.000		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	15.000		1	UBND huyện Ba Vì	
12	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Minh Quang - Bà Trại đi xã Thuận Mỹ		1	xã Minh Quang-xã Thuận Mỹ	2022-2023	Chiều dài dự kiến L=9,5km, Bm=6,5m, Bm=5,5m;	7742/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	79.000		24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	48.000		1	UBND huyện Ba Vì	
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh tiêu thoát nước các tuyến đường thôn Đa Chông xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2022-2023	Cải tạo đường GTNT với L= 2,0 Xây dựng rãnh thoát nước tổng chiều dài 4,0 km	7745/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	12.000		5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	6.000		1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
14	Nâng cấp đường trục giao thông xã Tân Hồng		1	xã Tân Hồng	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến khoảng 4km. Nâng cấp, mở rộng mặt đường bê tông xi măng, làm mới rãnh thoát nước	7727/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	20.000		7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	12.000		1	UBND huyện Ba Vì	
15	Đường trục giao thông xã Hồng Dương đi đường tỉnh lộ 429		1	Xã Hồng Dương	2022-2023	L=3,100m, Bn=9m	5141/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	117.415		33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	70.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
16	Đường trục kết nối từ QL1A qua khu công nghiệp HaBeCo đến đường gom cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ		1	xã Hà Hồi - Quất Động	2022-2023	L=1,25 Km; B=15m	4084/QĐ-UBND ngày 25/8/2022; 4382/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	70.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	45.000		1	UBND huyện Thường Tín	
17	Nâng cấp, cải tạo đường ven ao từ nhà văn hóa thôn Dịch Đình đi đầu làng Dịch Đình, xã Phương Đình		1	Xã Phương Đình	2022-2023	L= 360m, đồng bộ HTKT	3101/QĐ-UBND ngày 25/03/2022; 5972/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	8.381		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	5.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
18	Nâng cấp, cải tạo đường trục ngõ xóm thôn 7, 8, 9 xã Trung Châu		1	Xã Trung Châu	2022-2023	cải tạo tổng chiều dài L=1.401m,	Số 5902/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 5971/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	9.058		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	5.500		1	UBND huyện Đan Phượng	
19	Đường từ trường THCS Thượng Mỗ đến đường N12, xã Thượng Mỗ		1	Xã Thượng Mỗ	2022-2023	L=353,46m, B=9m	4349/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 5969/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	10.280		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	5.500		1	UBND huyện Đan Phượng	
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường Hồ Chí Minh đi xã Hoàng Văn Thụ, xã Hữu Văn, xã Quảng Bị		1	xã Hoàng Văn Thụ, xã Hữu Văn, xã Quảng Bị	2022-2024	L=7,5 Km; B=12m	1856/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	154.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	50.000			UBND huyện chương Mỹ	
21	Hệ thống chiếu sáng đường đi Tả Đáy từ xã Đồng Tiến đi cầu Mỹ Hòa, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	Huyện Ứng Hòa	2022-2023	Chiều dài tuyến = 11,2km	895/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	16.895		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	11.000		1	UBND Huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)	
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
22	Xây dựng tuyến đường kết nối từ Đường Nam Hà đến đường trục kinh tế Miền Đông, xã Liên Hà		1	xã Liên Hà	2022-2023	Chiều dài L=2,14km. Chiều rộng B=13,5m.	1507/QĐ-UBND ngày 18/3/2020; 10855/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	79.815		22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	50.000			1	UBND huyện Đông Anh	
23	Chỉnh trang đường trục kinh tế Miền Đông đoạn từ ngã tư Việt Hùng - Liên Hà đến nút giao Quốc lộ 3 mới		1	xã Việt Hùng, Liên Hà	2022-2023	L=4000m	7385/QĐ-UBND ngày 02/11/2020; 10856/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	53.100		16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	28.000			1	UBND huyện Đông Anh	
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường Văn Nội - Kim Chung đến đường Hoàng Sa		1	xã Kim Chung, Kim Nỗ	2022-2023	L=1370m B=17,5m	4560/QĐ-UBND ngày 08/6/2021; 10942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	81.493		23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	15.000				UBND huyện Đông Anh	
25	Xây dựng, nâng cấp đường ĐH07 đoạn từ TL419 đi đường ĐH05	1		Đại Đồng, Cẩm Yên, Lại Thượng	2022-2023	L=3,325m, Bn=17m	6434/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	159.373		30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	25.000				UBND huyện Thạch Thất	Có 02 hộ tái định cư
26	Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu H8 đến đền Hai Bà Trưng xã Hát Môn		1	Xã Hát Môn	2022-2023	L=1.201,19m	3050/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	7.120		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	3.000			1	UBND huyện Phúc Thọ	
27	Đường giao thông liên xã Văn Hoàng - Hoàng Long - Trí Trung - Phú Túc (đoạn từ cầu Nội Cối đi đường trục Phú Túc)	1		Văn Hoàng, Hoàng Long, Trí Trung, Phú Túc	2022-2023	L=3,433Km, B=18m	1149/QĐ-UBND ngày 09/3/2022; 3962/QĐ-UBND ngày 10/9/2022	161.030		40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	45.500				UBND huyện Phú Xuyên	
28	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Phùng Xá - Phù Lưu Tế (điểm đầu từ đường trục xã Phùng Xá, điểm cuối nối với đường trục xã Phù Lưu Tế), huyện Mỹ Đức, Hà Nội	1		Phùng Xá - Phù Lưu Tế	2022-2023	L=3,5Km, B=14m	3264/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	99.234		30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	60.000			1	UBND huyện Mỹ Đức	

2

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
29	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vạn Yên - Thạch Đà, huyện Mê Linh	1		xã Thạch Đà, Liên Mạc, Thạch Yên	2022-2025	L=8518m; B=9m	3452/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	115.581		29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	5.000		1	UBND huyện Mê Linh	NSTP hỗ trợ hỗ trợ 34 tỷ đồng, phần còn lại NS H
30	Xây dựng tuyến đường nối đường 100 Trục trung tâm đô thị Mê Linh qua Bệnh viện đa khoa huyện đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	1		xã Đại Thịnh, Tam Đồng, Thạch Đà	2022-2025	L=4.750m	3450/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	179.458		42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	20.000		1	UBND huyện Mê Linh	NSTP hỗ trợ 62 tỷ đồng, phần còn lại NS H
b	Dự án khởi công mới năm 2023	7	4					915.873								300.200		1		
1	Đường liên xã Chương Dương - Lê Lợi (đoạn từ đê sông hồng - trường THCS đến kênh Vân Từ), huyện Thường Tín		1	Chương Dương - Lê Lợi	2023-2024	L=3,57km, Bn=9-10m	5609/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	68.496								20.000			UBND huyện Thường Tín	Xã Chương Dương là xã NTM nâng cao năm 2022
2	Đường giao thông liên xã Đông Lỗ - Kim Đường, kết hợp cứng hóa kênh mương đoạn từ kênh I2-14 đến kênh A2-12, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	1		Đông Lỗ - Kim Đường	2022-2023	Tuyến chính L=2,5km, B=18m-20m; tuyến nhánh: 2Km, Bn=6,5m-8m	899/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	146.228								55.000			UBND huyện Ứng Hòa	Xã Đông Lỗ là xã NTM nâng cao năm 2022
3	Đường từ đường tránh QL32 qua UBND xã Thanh Mỹ đi TL414 (giai đoạn 1)	1		xã Thanh Mỹ	2023-2026	Chiều dài L=1.830m, kết cấu mặt đường cấp cao A1, mặt đường bằng bê tông nhựa	1280/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	130.918								40.000			UBND thị xã Sơn Tây	Xã Thanh Mỹ là xã NTM nâng cao năm 2022
4	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Hương sơn		1	Xã Hương Sơn	2022-2023	chiều dài tuyến L=24.370m	3254/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	42.953								25.000			UBND huyện Mỹ Đức	Phục vụ di tích quốc gia đặc biệt Chùa hương
5	Cải tạo các tuyến đường trục chính trên các thôn: Thuận Tiến (khu vườn hoa), Dương Đình xã Dương Xá, huyện Gia Lâm		1	Xã Dương Xá	2023-2024	Cải tạo 07 tuyến đường, L=1.857,2m	8580/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; 7364/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	14.086								12.500		1	UBND huyện Gia Lâm	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
6	Cải tạo cảnh quan hạ tầng kỹ thuật xây dựng hệ thống nước thải khu vực hồ điều hòa đường vào di tích lịch sử Quốc Gia đình Tây Đằng	1		Thị trấn Tây Đằng	2022-2024	Sàn nền, nền vỉa hè, thiết kế giao thông và đồng bộ các hạng mục khác	7764/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	108.820								35.000			UBND huyện Ba Vì	Đạt tiêu chí thị trấn văn minh để đạt huyện NTM năm 2023
7	Nâng cấp đường giao thông trục chính xã Hát Môn	1		Hát Môn	2023-2024		4323/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	71.017								22.000			UBND huyện Phúc Thọ	Xã Hát Môn là xã NTM nâng cao năm 2022
8	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xã Hồng Sơn và Phùng Xá, huyện Mỹ Đức	1		xã Hồng Sơn và xã Phùng Xá	2023-2024	L= 24,7320km	3253/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	41.970								15.000			UBND huyện Mỹ Đức	Xã Hồng Sơn, Phùng Xá là xã NTM nâng cao năm 2022
9	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xã Hoàng Long, Trì Trung, Phương Dục		1	Hoàng Long, Trì Trung, Phương Dục	2023-2024	L=29,358km	5525/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	48.385								20.500			UBND huyện Phú Xuyên	
10	Đường giao thông liên xã Kim Đường - Trầm Lộng (từ đường Minh Đức - Ngắm thôn Cung Thuê đi Kien Vũ Trầm Lộng), huyện Ứng Hòa	1		Kim Đường - Trầm Lộng	2023-2024	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường có chiều dài L=3,0km	201/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	98.000								35.000			UBND huyện Ứng Hòa	
11	Trục kết nối giao thông Văn Hoàng - Tân Dân - đường Thao Chính - Tân Dân	1		Xã Chuyên Mỹ, Văn Hoàng, Đại Thắng, Tân Dân	2023-2024	L=9,541Km	1182/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; 5524/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	145.000								20.200			UBND huyện Phú Xuyên	qua xã Đại thắng là xã NTM nâng cao

1

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Lĩnh vực đề điều, thủy lợi		18					540.130		162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	266.150		15		
a	Dự án chuyển tiếp		16					491.130		162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	237.150		15		
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Phong Vân		1	xã Phong Vân	2022-2023	L= 9km, Bmặt = 3,5m	7294/QĐ-UBND ngày 08/8/2022, 7744/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	34.135		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	18.000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tân Hồng		1	xã Tân Hồng	2022-2023	L= 16,8 km.	7728/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	75.268		25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	13.000			UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Sơn Đà		1	xã Sơn Đà	2022-2023	Chiều dài L=17,6km	7720/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	56.379		18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	31.250		1	UBND huyện Ba Vì	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng kết hợp với mương tiêu thoát nước (các tuyến đường cây Bắc Hồ, Trục giữa Núc)		1	Xã Liên Mạc	2022-2024	Cải tạo, nâng cấp đường Bmặt = 3-3,5m	3447/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	6.068		2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	3.200		1	UBND xã Liên Mạc	
5	Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng và mương thủy lợi xã Liên Mạc, huyện Mê Linh (03 tuyến khu Đồng Độc Vang, Quán Đồng, Đồng Độc Hậu)		1	Xã Liên Mạc	2022-2024	Nâng cấp đường 3-3,5m	3448/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	6.907		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.500		1	UBND xã Liên Mạc	
6	Kiên cố hóa Kênh đường cái đến bờ cõi thôn Ngọc Trục		1	xã Đông Lỗ	2022-2023	L= 1000m	Số 901/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	12.300		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	7.500		1	UBND huyện Ứng Hòa	
7	Kiên cố hóa kênh Mã Xá 1: Kênh đường Đò và tuyến kênh từ trạm bơm Vực đến Đồng Dải 1 - xã Hòa Xá		1	Xã Hòa Xá	2022-2023	L=2,000m	Số 906/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	11.180		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	6.500		1	UBND huyện Ứng Hòa	
8	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng xã Võng Xuyên giai đoạn 1		1	Xã Võng Xuyên	2022-2023	Chiều dài kênh L=3.218m	3121/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	14.455		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	9.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
9	Cải tạo đường giao thông nội đồng xã Võng Xuyên		1	Xã Võng Xuyên	2022-2023	L=4,05Km, Bm=3-5m	3124/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	14.904		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
10	Đường trục giao thông nội đồng xã Đại Thắng		1	Xã Đại Thắng	2022-2023	L=6,7Km, Bn=4-5m	3395/QĐ-UBND ngày 03/8/2022; 3961/QĐ-UBND ngày 10/9/2022	50.076		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	26.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Cứng hóa giao thông, thủy lợi nội đồng, xã Đại Thắng		1	Đại Thắng	2022-2023	L=7,03Km,B=5m	2983/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3960/QĐ-UBND ngày 10/9/2022	51.722		17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	28.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	Xã Đại Thắng xã NTMNC năm 2022
12	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối trạm bơm phục vụ tưới trên địa bàn các xã Phù Lỗ, Đông Xuân, Đức Hòa, Xuân Giang, Trung Giã, Phù Linh		1	Xã Phù Lỗ, Đông Xuân, Đức Hòa, Xuân Giang, Trung Giã, Phù Linh	2022-2024	cải tạo 13 trạm bơm	5337/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; 7235/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	14.791		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	8.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn các xã Phù Linh, Tiên Dược, Đức Hòa		1	Xã Phù Linh, Tiên Dược, Đức Hòa	2022-2024	cải tạo hệ thống kênh tưới có chiều dài L=18,793Km	5337/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; 7235/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	36.617		13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	17.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
14	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lương Xá và cải tạo hệ thống kênh tiêu thuộc xã Lam Điền		1	Xã Lam Điền	2022-2023	Tiêu cho 142ha	6678/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	37.925		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	20.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
15	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Sài và hệ thống kênh xã Quảng Bị		1	Xã Quảng Bị	2022-2023	chiều dài kênh L=1.674,8m và đồng bộ các hạng mục khác	6677/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	43.903		14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	25.200		1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
16	Cứng hóa kênh mương, giao thông nội đồng Đại Đồng		1	Đại Đồng	2023-2024	cứng hóa mương có chiều dài L=4.092,14m	6530/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	24.500		8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	12.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
<i>h</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>		2					49.000								29.000				
1	Cứng hóa kênh mương, giao thông nội đồng xã Dị Nậu		1	Dị Nậu	2023-2024	xây dựng đường kết hợp mương thoát nước L=7,558,32m và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật	7375/QĐ-UBND ngày 15/10/2022	24.000								14.000			UBND huyện thạch Thất	
2	Cứng hóa kênh mương, giao thông nội đồng xã Hương Ngải		1	Hương Ngải	2023-2024	L=6,630m	7579/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	25.000								15.000			UBND huyện Thạch Thất	
3	Lĩnh vực giáo dục	1	12					273.338		79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	151.000	151.000	13		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1	12					273.338		79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	151.000	151.000	13		
1	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Liên Châu		1	Xã Liên Châu	2022-2023	Xây mới khối nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng; các hạng mục khác	5072/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	28.900		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	15.000	15.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Liên Châu (điểm trường thôn Từ Châu)		1	Xã Liên Châu	2022-2023	Nhà lớp học 2 tầng kết hợp phòng chức năng, HMPT và PCCC	5077/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	11.000		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	6.500	6.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Nâng cấp, cải tạo trường THCS Tân Ước		1	Xã Tân Ước	2022-2023	Xây mới nhà lớp học kết hợp bộ môn 2 tầng, khu vệ sinh 2 tầng, cải tạo hạng mục cũ	5076/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.600		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
4	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Hồng Dương		1	Xã Hồng Dương	2022-2023	Xây mới nhà lớp học bộ môn và cải tạo nhà lớp học và LIMT	5075/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	13.500		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	8.000	8.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
5	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Hồng Dương (khu trung tâm và điểm trường thôn Ba Dư)		1	Xã Hồng Dương	2022-2023	Cải tạo các hạng mục cũ và xây mới nhà bếp • ăn tại khu trung tâm, cải tạo điểm trường thôn Ba Dư	5074/QĐ-UBND ngày 36/8/2022	14.800		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
6	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liên Mạc A, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh		1	xã Liên Mạc	2022-2024	Hoàn thiện hạ tầng và mua sắm thiết bị theo chuẩn Quốc gia	3451/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	10.812		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	6.500	6.500	1	UBND huyện Mê Linh	
7	Trường tiểu học Đồng Tháp		1	Xã Đồng Tháp	2022-2023	Nhà lớp học 3 tầng, S=1.029m2	3532/QĐ-UBND ngày 25/03/2022; 5966/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	38.251		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	20.000	20.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
8	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	Huyện Ứng Hòa	2021-2023	Xây dựng mới lớp học 3 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	2377/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	14.996		6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	7.000	7.000	1	UBND Huyện Ứng Hòa	
9	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, Hà Nội		1	Xã Đông Lỗ	2022-2023	Xây mới nhà hiệu bộ và đồng bộ các hạng mục khác	Số 894/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	12.000		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	7.000	7.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
10	Xây mới phòng học, bộ môn, khu giáo dục thể chất, phụ trợ trường tiểu học Dị Nậu	1		Dị Nậu	2022-2023	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà lớp học 3 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	6427/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	45.493		13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	27.000	27.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
11	Cải tạo trường mầm non Phù Lỗ		1	Xã Phù Lỗ	2022-2023	Xây mới khối nhà 2 tầng, 5 phòng	5338/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; 7273/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	18.000		6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
12	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Đức Hòa		1	Xã Đức Hòa	2022-2023	Xây dựng khối nhà lớp học 3 tầng	5640/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; 7238/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	14.986		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
13	Xây dựng mới trường mầm non khu B, xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2022-2023	Xây mới nhà lớp học 28PH, khối nhà hiệu bộ +phòng học chức năng và khu bếp 2 tầng, các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị		36.000								20.000	20.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Nguồn vốn chương trình dân tộc miền núi đã bố trí 13 tỷ đồng
b	Dự án khởi công mới năm 2023																			
4	Lĩnh vực văn hóa	4	9					449.287	80.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	151.900		10		
a	Dự án chuyển tiếp	3	8					364.392	80.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	124.900		9		
1	Trung tâm thể thao xã Yên Sở (hạng mục: nhà thi đấu, sân vận động và các HMPT)		1	Yên Sở	2021-2023	Xây dựng nhà thi đấu, sân vận động và đồng bộ các hạng mục khác	5465/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	34.830		6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	5.000			UBND huyện Hoài Đức	NS TP hỗ trợ 20 tỷ đồng; Phần còn lại NS huyện Hoài Đức; dự án vướng mắc GPMB dự kiến HT năm 2024
2	Sân chơi vườn hoa các thôn xã Trung Châu		1	Xã Trung Châu	2022-2023	S=1,993m2; tường lùm, lắp đặt chiếu sáng năng lượng mặt trời	5907/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 5965/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	7.981		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	4.600		1	UBND huyện Đan Phượng	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã Trung Châu - Miền B		1	Xã Trung Châu	2022-2025	Cải tạo nghĩa trang S=21,548,3m2	5904/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 5968/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	8.613		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	5.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao (giai đoạn I)	1		Huyện Ứng Hòa	2021-2023	Xây dựng mới S=4,023m2, 500 chỗ ngồi	561/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	99.000	50.000	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	10.500		1	UBND Huyện Ứng Hòa	
5	Xây dựng nhà văn hoá trung tâm,sân thể thao xã Đại Đồng	1		Đại Đồng	2022-2023	xây dựng S=2,68ha, đồng ộ HTKT	6433/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	55.907		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	37.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
6	Tu bổ, tôn tạo chùa đình thôn 1, miếu thôn 6 xã Đại Đồng		1	Đại Đồng	2022-2023	tu bổ tôn tạo đại bái, giếng cổ...	6431/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	9.800		3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	6.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
7	Nhà văn hóa thôn Thượng 2, xã Phùng Xá		1	Xã Phùng Xá	2022-2023	S=380,72m2 và các hạng mục phụ trợ	1895/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	12.000		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	7.500		1	UBND huyện Mỹ Đức	
8	Nhà văn hóa thôn Đặng		1	Xã Hồng Sơn	2022-2023	Xây mới nhà văn hóa	1891/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	14.890		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Cải tạo, nâng cấp Sân vận động trung tâm xã		1	Xã Hương Sơn	2022-2023	Xây mới nhà 01 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	1896/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	15.000		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
####	Xây dựng trung tâm văn hoá xã Dị Nậu		1	Dị Nậu	2022-2023	Xây dựng nhà 01 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	6426/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	17.773		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	12.000		1	UBND huyện Thạch Thất	Đã bố trí vốn huyện năm 2022 là 3 tỷ đồng

4

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bổ trợ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
####	Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên	1		Thị trấn Phú Xuyên	2022-2024			88.598	30.000							19.300			UBND huyện Phú Xuyên	Dự án sử dụng nguồn NTM năm 2021
b	Dự án khởi công mới năm 2023	1	1					84.895								27.000		1		
1	Xây dựng trung tâm thể thao xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm - Hạng mục: Bể bơi, đường chạy, sân bóng đá cỏ nhân tạo và các hạng mục phụ trợ	1		Xã Cổ Bi	2023-2024	xây dựng trên diện tích S=3.663m2	7114/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 7367/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	69.952								15.000			UBND huyện Gia Lâm	
2	Tu bổ, tôn tạo chùa thôn Yên Sơn, xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ		1	xã Đồng Lạc	2023-2024	Tu bổ, tôn tạo	7378/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	14.943								12.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Lĩnh vực môi trường		11					312.568		67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	167.300		10		
a	Dự án chuyển tiếp		9					200.809		67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	123.500		9		
1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông và hệ thống tiêu thoát nước hồ Thanh Chiểu, xã Phú Cường		1	xã Phú Cường	2022-2023	Cải tạo nâng cấp và xây mới hệ thống thoát nước	7748/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	38.972		13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	20.000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Kê khu di tích ao cá Bắc Hồ và cải tạo hồ sinh thái trong khu dân cư xã Phú Phương		1	xã Phú Phương	2022-2023	Kê ao, lấp đường quanh bờ ao và nạo vét ao.S=2,9ha	7729/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.900		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	10.000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo ao khu lò gạch thôn Bãi Tháp xã Đồng Tháp		1	Xã Đồng Tháp	2022-2023	Nạo vét ao, đóng bộ HTKT	5901/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 5967/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	9.595		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	5.000		1	UBND huyện Đan Phượng	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
4	Kè đảm ao kết hợp cây xanh, đường dạo thôn Dịch Đình, xã Phương Đình		1	Xã Phương Đình	2022-2023	Cải tạo ao môi trường S=17,007m2:	4428/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	14.528		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
5	Xây dựng hệ thống thoát nước thải làng nghề thôn Bật Trung, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	Huyện Ứng Hòa	2022-2023	Bm=3m-5m, L=850m	898/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	17.000		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	11.000		1	UBND Huyện Ứng Hòa	
6	Cải tạo, bảo tồn hồ thuộc đình thôn Giáp Bốn, thôn Cát, thôn Thượng, thôn Cầu xã Tuy Lai		1	Xã Tuy Lai	2022-2023	Cải tạo, bảo tồn	2062/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	22.628		7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	14.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
7	Cải tạo, bảo tồn hồ sinh thái xã Lê Thanh		1	Xã Lê Thanh	2022-2023	Cải tạo, bảo tồn	2063/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	36.336		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	24.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
8	Cải tạo, xử lý môi trường hồ sinh thái Bai Bó xã An Phú		1	Xã An Phú	2022-2023	Cải tạo, bảo tồn	2065/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	35.088		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	23.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Cải tạo, bảo tồn hồ đình Phú Cốc xã An Phú		1	xã An Phú	2022-2025	Cải tạo, bảo tồn	2064/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	11.762		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	7.500		1	UBND huyện Mỹ Đức	
b	Dự án khởi công mới năm 2023		2					111.759								43.800		1		
1	Cải tạo, nâng cấp cảnh quan ao Vị Thủy		1	xã Thanh Mỹ	2023-2025	Diện tích 1,5ha	1281/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	13.489								12.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Cải tạo phục vụ môi trường ao Hội, ao dốc ngõ treo, đầm trước chùa dưới, ao dốc Văn Chi xã Hát Môn		1	xã Hát Môn	2023-2024	Diện tích S=4ha	2489/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	98.270								31.800			UBND huyện Phúc Thọ	

Phụ lục 5

BỔ SUNG CẬP NHẬT KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ NĂM 2023 CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 3 LĨNH VỰC: GIÁO DỤC, Y TẾ, DI TÍCH

(Kèm theo Báo cáo số **436** /BC-UBND ngày **06** /12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Cập nhật KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2022	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023		HT 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMĐT	Giá trị XL + TB				Tổng số	Trđó: Vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	13			379.190	310.546	289.900			137.500		2		
	<i>Dự án mới</i>	<i>13</i>			<i>379.190</i>	<i>310.546</i>	<i>289.900</i>			<i>137.500</i>		<i>2</i>		
I	Xây dựng trường học đạt chuẩn	2			115.083	91.717	91.650			34.000				
I.2	<i>Dự án mới</i>	<i>2</i>			<i>115.083</i>	<i>91.717</i>	<i>91.650</i>			<i>34.000</i>				
1	Trường tiểu học xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai	1	2022-2025	7615/QĐ-UBND 23/11/2022	61.566	43.780	43.750			17.000			UBND huyện Quốc Oai	
2	Xây dựng nhà hiệu bộ, lớp học, phụ trợ trường THCS Bình Phú	1	2022-2025	8115/QĐ-UBND 31/10/2022	53.517	47.937	47.900			17.000			UBND huyện Thạch Thất	
II	Hỗ trợ nâng cấp y tế cơ sở	2			17.223	14.369	13.300			13.300		2		
II.2	<i>Dự án mới</i>	<i>2</i>			<i>17.223</i>	<i>14.369</i>	<i>13.300</i>			<i>13.300</i>		<i>2</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Vạn Yên, huyện Mê Linh	1	2022-2024	4942/QĐ-UBND 16/11/2022	9.840	8.222	7.200			7.200		1	UBND huyện Mê Linh	NS huyện bố trí phần còn lại
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh	1	2022-2024	4943/QĐ-UBND 16/11/2022	7.383	6.147	6.100			6.100		1	UBND huyện Mê Linh	
III	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử	9			246.884	204.460	184.950			90.200				
III.2	<i>Dự án mới</i>	<i>9</i>			<i>246.884</i>	<i>204.460</i>	<i>184.950</i>			<i>90.200</i>				
1	Tu bổ, tôn tạo đình Hạ, xã Hồng Phong	1	2022-2024	8379/QĐ-UBND 11/11/2022	12.980	10.483	9.000			6.000			UBND huyện Chương Mỹ	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phú Mỹ, xã Tự Lập, huyện Mê Linh	1	2023-2025	4726/QĐ-UBND 03/11/2022	47.919	39.784	39.000			16.000			UBND huyện Mê Linh	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Cập nhật KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2022	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023		HT 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMĐT	Giá trị XL + TB				Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Đình Nguyên, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	2023-2025	4871/QĐ-UBND 11/11/2022	23.134	19.355	18.450			10.700			UBND huyện Mê Linh	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cổ Chế, xã Phúc Tiến	1	2022-2024	5147/QĐ-UBND 26/10/2022	24.299	19.581	19.000			10.000			UBND huyện Phú Xuyên	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thấp, xã Hạ Bằng	1	2023-2025	8973/QĐ-UBND 22/11/2022	25.952	20.822	20.000			10.000			UBND huyện Thạch Thất	
6	Tu bổ, tôn tạo đình Hữu Bằng	1	2023-2025	8742/QĐ-UBND 15/11/2022	43.600	35.458	35.000			15.000			UBND huyện Thạch Thất	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Quan Nhân, xã Thanh Văn	1	2022-2024	7279/QĐ-UBND 30/11/2022	31.000	27.010	14.000			6.500			UBND huyện Thanh Oai	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Hoàng Trung, xã Hồng Dương	1	2022-2024	7280/QĐ-UBND 30/11/2023	16.000	13.676	12.500			6.000			UBND huyện Thanh Oai	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nga My Thượng, xã Thanh Mai	1	2022-2024	6702/QĐ-UBND 24/11/2022	22.000	18.291	18.000			10.000			UBND huyện Thanh Oai	

Phụ lục 6
BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ NGÂN SÁCH QUẬN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số **436** /BC-UBND ngày **06** / **12** /2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các quận hỗ trợ	Kinh phí các quận đề xuất hỗ trợ năm 2022	Nguồn vốn hỗ trợ (có ý kiến của Sở Tài chính)	Huyện nhận hỗ trợ	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	NS quận hỗ trợ huyện năm 2023	
								Số DA	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số	41.178					97.928	5	40.878
	Lĩnh vực giáo dục	23.778					80.694	2	23.778
	Lĩnh vực văn hóa	17.400					17.234	3	17.100
1	UBND quận Hoàn Kiếm (1954/UBND-TCKH 30/11/2022)	23.778	Nguồn kết dư tiền sử dụng đất (Văn bản 7180/STC-NSCHX ngày 02/12/2022)	UBND huyện Chương Mỹ	Trường THCS Nam Phương Tiến A, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ	2586/QĐ-UBND 26/4/2019	35.857	1	18.778
				UBND huyện Mỹ Đức	Xây dựng trường mầm non xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	2181/QĐ-UBND 18/9/2019	44.837	1	5.000
2	UBND quận Nam Từ Liêm (3273/UBND-TCKH 10/11/2022; 3330/UBND-TCKH 15/11/2022; 3486/UBND-TCKH 23/11/2022)	17.400	Nguồn kết dư tiền sử dụng đất (Văn bản 7035/STC-NSCHX ngày 29/11/2022)	UBND huyện Thường Tín	Nhà văn hóa đội 3, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	118/QĐ-UBND 10/5/2021; 173/QĐ-UBND 24/11/2022	5.735	1	5.700
				UBND huyện Chương Mỹ	Nhà văn hóa thôn Quyết Hạ, xã Đông Sơn	6116/QĐ-UBND 02/11/2021; 7589/QĐ-UBND 13/10/2022	6.499	1	6.400
				UBND huyện Ứng Hòa	Nhà văn hóa thôn Tảo Khê, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2118/QĐ-UBND 28/10/2022	5.000	1	5.000

Phụ lục: 7
**CẬP NHẬT KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 2021-2025 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ**

(Kèm theo báo cáo số **436** /BC-UBND ngày **06/12/2022** của UBND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công (trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế
		Số, ngày QĐ	TMĐT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi I)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ	18	99					4.372.090	80.000	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.713.050	151.000	76	2.939.750		
	Dự án chuyển tiếp	10	90					3.210.563	80.000	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.226.700	1.313.050	151.000	73	2.526.750		
	Dự án khởi công mới năm 2023	8	9					1.161.527								400.000		3	400.000		
I	KẾ HOẠCH NĂM 2022		20					162.908		390.700	390.700	390.700	390.700	390.700	390.700				390.700		
I.1	Hỗ trợ các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 (03 huyện Ba Vì, Mỹ Đức, Ứng Hòa)									293.900	293.900	293.900	293.900	293.900	293.900				293.900		
I.2	Thưởng công trình phúc lợi		10					111.717		55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000				55.000		
i	Trường tiểu học xã Cao Dương		1	Xã Cao Dương	2022-2023	Xây dựng lớp học 3 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	5073/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.448		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				10.000	UBND huyện Thanh Oai	Dự án chuyển tiếp, Huyện đã bố trí vốn
2	Đường trục thôn Cao Xá, xã Dũng Tiến (đoạn từ chùa Đẳng Giác đến đường Bãi Cháy), huyện Thường Tín		1	Xã Dũng Tiến	2022-2023	L=65,94m, HTKT đồng bộ	4847/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	10.140		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000				5.000	UBND huyện Thường Tín	Dự án chuyển

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bổ trợ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Nâng cấp cải tạo đường trục xã Liên Phương (đoạn thôn Bạch Liên, đi đường gom cao tốc - Pháp Vân), huyện Thường tín		1	Xã Liên Phương	2022-2023	L=0,56Km, Bn=6,5m	635/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	8.844		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000				5.000	UBND huyện Thường Tín	uy, chuyển ou bổ trí vốn
4	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa Trạm y tế các xã Yên Trung, Đại Đồng, Lại Thượng		1	Yên Trung, Đại Đồng, Lại Thượng	2022-2023	Cải tạo nhà khám 02 tầng và đồng b các hạng mục khác	5595/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	12.928		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				10.000	UBND huyện Thạch Thất	
5	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn xóm xã Võng Xuyên (giai đoạn 1)		1	Xã Võng Xuyên	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp	4062/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	10.085		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000				3.000	UBND huyện Phúc Thọ	
6	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bắc Võng Ngoại xã Võng Xuyên		1	Xã Võng Xuyên	2022-2023	Xây dựng khối nhà 01 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	4060/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	9.183		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000				4.000	UBND huyện Phúc Thọ	
7	Kiên cố hóa đường giao thông trục chính nội đồng vùng bãi xã Hát Môn		1	Xã Hát Môn	2022-2023	L=3,456m	3970/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	9.707		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000				3.000	UBND huyện Phúc Thọ	
8	Xây dựng đường Đồng Trám dưới, Cỏ Đông		1	Xã Cỏ Đông	2022-2024	L=890m	1361/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	13.323		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000				5.000	UBND thị xã Sơn Tây	
9	Xây mới 04 nhà văn hóa thôn Ninh Kiều, Môn Tư, Diên Quy xã Tân Dân, thôn Đường 3 xã Phú Lỗ		1	Xã Tân Dân, xã Phú Lỗ	2021-2023	Xây dựng 04 nhà văn hóa, đồng bộ HTKT	2632/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	20.250		8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000				8.000	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Xây mới nhà văn hóa thôn Tân Thái, xã Hiền Ninh		1	xã Hiền Ninh	2022	Xây dựng nhà văn hóa và đồng bộ HTKT	6679/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	2.809		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000				2.000	UBND huyện Sóc Sơn	
1,3	Các công trình hoàn thành năm 2022		10					51.191		41.800	41.800	41.800	41.800	41.800	41.800				41.800		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Văn Trai, Thị trấn Tây Đằng		1	Thị trấn Tây Đằng	2022-2023	Xây dựng nhà văn hóa 150 chỗ ngồi, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị.	7731/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	4.000		3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800				3.800	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Nhà VH thôn La Phẩm 1, xã Tân Hồng		1	xã Tân Hồng	2022-2023	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 1 tầng 150 chỗ,	7724/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	4.000		3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800				3.800	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây mới Nhà văn hóa thôn Tri Phú, xã Sơn Đà		1	xã Sơn Đà	2022-2023	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 1 tầng 150 chỗ,	7751/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	4.000		3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800				3.800	UBND huyện Ba Vì	
4	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đan Thế, xã Sơn Đà		1	xã Sơn Đà	2022-2023	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 1 tầng 150 chỗ,	7722/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	4.000		3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800				3.800	UBND huyện Ba Vì	
5	Xây mới Nhà văn hóa thôn Khê Thượng, xã Sơn Đà		1	xã Sơn Đà	2022-2023	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 1 tầng 150 chỗ,	7723/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	4.000		3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800				3.800	UBND huyện Ba Vì	
6	Tuyến đường Khánh vân thôn Vân La, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1	Xã Hồng Vân	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp đường BTXM	19/QĐ-UBND ngày 16/3/2022; 96/QĐ-UBND ngày 28/8/2022	3.549		3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500				3.500	UBND huyện Thường Tín	
7	Chỉnh trang, cải tạo tuyến đường Bình Minh, thôn Cơ Giáo, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1	Xã Hồng Vân	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp đường BTXM	UBND ngày 21/3/2022; 97/QĐ-UBND ngày 28/8/2022	3.962		3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800				3.800	UBND huyện Thường Tín	
8	Nâng cấp mặt đường Đào Xá - Viên Đình, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	xã Đông Lỗ	2022-2024	L = 2.300m	900/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	4.800		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000				4.000	UBND xã Đông Lỗ	
9	Nhà văn hóa thôn Ngọc Trục xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	xã Đông Lỗ	2022-2023	S=2,600m2	814/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	4.000		3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500				3.500	UBND xã Đông Lỗ	
10	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL420 Dị Nậu đi Hữu Bằng		1	Dị Nậu	2022-2023	Cải tạo L=826m	6432/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.880		8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000				8.000	UBND huyện thạch Thất	
										-											
II	KẾ HOẠCH NĂM 2023	18	79	97				4.209.182	80.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	1.713.050	151.000	76	2.536.050		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)	
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023												
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	Dự án chuyển tiếp	10	70	80				3.047.655	80.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	836.000	1.313.050	151.000	73	2.136.050	2.149.050	13.000	
	Dự án khởi công mới năm 2023	8	9	17				1.161.527								400.000		3	400.000			
II.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	13	29					2.633.859		453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	976.700		28	1.430.200			
a	Dự án chuyển tiếp	6	25					1.717.986		453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	453.500	676.500		27	1.130.000			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông trục nối trung tâm xã Phú Phương đến TL411		1	xã Phú Phương	2022-2023	Cải tạo nâng cấp đường trục trung tâm, tổng chiều dài tuyến dự kiến 3,0Km.	7725/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.850		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	1	14.000	UBND huyện Ba Vì		
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các thôn xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2022-2023	Tổng chiều dài khoảng 3,5km, cải tạo mặt đường UTXM rộng từ 3-5m	7746/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.900		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	9.500		1	14.000	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các thôn xã Khánh Thượng		1	xã Khánh Thượng	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến đường 1=3,5Km.	774/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.900		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	10.000		1	14.000	UBND huyện Ba Vì	
4	Đường nối QL32 đi đường tránh QL32		1	Thị trấn Tây Đằng	2022-2023	Tổng chiều dài dự án khoảng L=450m, đường BT nhựa, Bm= 4,0-7,0m	7750/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	7.000		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	2.500		1	6.500	UBND huyện Ba Vì		
4	Cải tạo nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước đường nối TL414 đi các thôn xã Tân Lĩnh		1	xã Tân Lĩnh	2022-2023	Chiều dài dự kiến 1=10,4Km.	7749/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	35.716		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	19.500		1	31.500	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo, nâng cấp đường trục các thôn Bãi Nha, thính Thôn xã Cam Thượng		1	xã Cam Thượng	2022-2023	Tổng chiều dài L=3,85Km, Bm=3,5-6m, Bm=3-6m.	7747/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.925		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	9.500		1	14.000	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao từ TL411 nối đường liên xã Phú Đông - Phú Cường		1	xã Phú Đông, Phú Cường	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến L=4,5Km, Bm= 9m, Bm=7m công ngang đường: A.TGT	7741/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	44.368		14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	26.000		1	40.000	UBND huyện Ba Vì		
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao từ TL411 đi Phú Đông - Phong Vân		1	xã Phú Đông	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến 1=4Km, Bm 4,5-7m.	7726/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	33.400		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	20.000		1	30.000	UBND huyện Ba Vì		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bổ trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)	
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023		Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)				
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
8	Nâng cấp, cải tạo đường trục chính từ Kênh TH3, thôn Thuận An, xã Thái Hòa đi đường dẫn Cầu Văn Lang		1	xã Thái Hòa	2022-2023	Tổng chiều dài khoảng L=3,8km; B bên: 15m; B mặt: 7m; B nền: 3,5-8m.	7730/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	45.000		13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	26.500			1	40.000	UBND huyện Ba Vì	
9	Mở rộng tuyến đường từ đường Truyền Thống đến TL428 xã Phúc Tiến		1	Xã Phúc Tiến	2022-2023	L=742,8m, B=7,5m	2368/QĐ-UBND ngày 23/5/2022; 3703/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.894		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.500			1	14.500	UBND xã Phúc Tiến	
10	Đường giao thông thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên (giai đoạn 3), Phúc Tiến		1	Xã Phú Yên, Phúc Tiến	2022-2023	L=418,49m, B=18m	1724/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 3702/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.800		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	10.000			1	14.500	UBND xã Phú Yên	
11	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông trục xã Phong Vân từ TL411 nối đê Hữu Hồng		1	xã Phong Vân	2022-2023	L=4,5km, Bmặt=5,5m;	7743/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	30.000		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	15.000			1	27.000	UBND huyện Ba Vì	
12	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Minh Quang - Ba Trại đi xã Thuận Mỹ		1	xã Minh Quang-xã Thuận Mỹ	2022-2023	Chiều dài dự kiến L=9,5km, Bmặt=6,5m, Bnền=5,5m;	7742/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	79.000		24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	48.000			1	72.000	UBND huyện Ba Vì	
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh tiêu thoát nước các tuyến đường thôn Đá Chông xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2022-2023	Cải tạo đường GTNT với L= 2,0 Km Xây dựng rãnh thoát nước tổng chiều dài 4,0 Km	7745/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	12.000		5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	6.000			1	11.500	UBND huyện Ba Vì	
14	Nâng cấp đường trục giao thông xã Tân Hồng		1	xã Tân Hồng	2022-2023	Tổng chiều dài tuyến khoảng 4km. Nâng cấp, mở rộng mặt đường bê tông vư măng, làm mới rãnh thoát nước	7727/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	20.000		7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	12.000			1	19.000	UBND huyện Ba Vì	
15	Đường trục giao thông xã Hồng Dương đi đường tỉnh lộ 429		1	Xã Hồng Dương	2022-2023	L=3,100m, Bn=9m	5141/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	117.415		33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	70.000			1	103.000	UBND huyện Thanh Oai	
16	Đường trục kết nối từ QL1A qua khu công nghiệp HaBeCo đến đường gom cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ		1	xã Hà Hồi - Quất Động	2022-2023	L =1,25 Km; B=15m	4084/QĐ-UBND ngày 25/8/2022; 4382/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	70.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	45.000			1	65.000	UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ tri (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế	
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023												
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
17	Nâng cấp, cải tạo đường ven ao từ nhà văn hóa thôn Dịch Đình đi đầu làng Dịch Đình, xã Phương Đình		1	Xã Phương Đình	2022-2023	L= 360m, đồng bộ HTKT	3101/QĐ-UBND ngày 25/03/2022; 5972/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	8.381		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	5.000			1	8.000	UBND huyện Đan Phượng	
18	Nâng cấp, cải tạo đường trục ngõ xóm thôn 7, 8, 9 xã Trung Châu		1	Xã Trung Châu	2022-2023	cải tạo tổng chiều dài L=1 401m,	Số 5902/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 5971/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	9.058		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	5.500			1	8.500	UBND huyện Đan Phượng	
19	Đường từ trường THCS Thương Mỗ đến đường N12, xã Thương Mỗ		1	Xã Thương Mỗ	2022-2023	L=353,46m, B=9m	4349/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 5969/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	10.280		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	5.500			1	9.500	UBND huyện Đan Phượng	
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường Hồ Chí Minh đi xã Hoàng Văn Thụ, xã Hữu Văn	1		xã Hoàng Văn Thụ, xã Hữu Văn, xã Quảng Bị	2022-2024	L =7,5 Km; B=12m	1856/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	154.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	50.000				70.000	UBND huyện chương Mỹ	
21	Hệ thống chiếu sáng đường đi Tả Đáy từ xã Đông Tiến đi cầu Mỹ Hòa, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	Huyện Ứng Hòa	2022-2023	Chiều dài tuyến = 11,2km	895/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	16.895		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	11.000			1	16.000	UBND Huyện Ứng Hòa	
22	Xây dựng tuyến đường kết nối từ Đường Nam Hà đến đường trục kinh tế Miền Đông, xã Liên Hà		1	xã Liên Hà	2022-2023	Chiều dài L=2,14km. Chiều rộng B=13,5m.	1507/QĐ-UBND ngày 18/3/2020; 10855/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	79.815		22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	50.000			1	72.000	UBND huyện Đông Anh	
23	Chỉnh trang đường trục kinh tế Miền Đông đoạn từ ngã tư Việt Hùng - Liên Hà đến nút giao Quốc lộ 3 mới		1	xã Việt Hùng, Liên Hà	2022-2023	L=4000m	7385/QĐ-UBND ngày 02/11/2020; 10856/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	53.100		16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	28.000			1	44.000	UBND huyện Đông Anh	
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường Văn Nội - Kim Chung đến đường Hoàng Sa		1	xã Kim Chung, Kim Nỗ	2022-2023	L=1370m B=17,5m	4560/QĐ-UBND ngày 08/6/2021; 10942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	81.493		23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	15.000				38.000	UBND huyện Đông Anh	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
25	Xây dựng, nâng cấp đường ĐH07 đoạn từ TL419 đi đường ĐH05	1		Đại Đồng, Cẩm Yên, Lai Thuợng	2022-2023	L=3,325m, Bn=17m	6434/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	159.373		30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	25.000			55.000	UBND huyện Thạch Thất	Có 02 hộ tái định cư
26	Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu H8 đến đền Hai Bà Trưng xã Hát Môn		1	Xã Hát Môn	2022-2023	L=1.201,19m	3050/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	7.120		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	3.000		1	7.000	UBND huyện Phúc Thọ	
27	Đường giao thông liên xã Văn Hoàng - Hoàng Long - Trí Trung - Phú Túc (đoạn từ cầu Nôi Cói đi đường trục Phú Túc)	1		Văn Hoàng, Hoàng Long, Trí Trung, Phú Túc	2022-2023	L=3,433Km, B=18m	1149/QĐ-UBND ngày 09/3/2022; 3962/QĐ-UBND ngày 10/9/2022	161.030		40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	45.500			85.500	UBND huyện Phú Xuyên	
28	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Phùng Xá - Phú Lưu Tế (điểm đầu từ đường trục xã Phùng Xá, điểm cuối nối với đường trục xã Phú Lưu Tế), huyện Mỹ Đức, Hà Nội	1		Phùng Xá - Phú Lưu Tế	2022-2023	L=3,5Km, B=14m	3264/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	99.234		30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	60.000		1	90.000	UBND huyện Mỹ Đức	
29	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vạn Yên - Thạch Đà, huyện Mê Linh	1		xã Thạch Đà, Liên Mạc, Thạch Yên	2022-2025	L=8518m; B=9m	3452/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	115.581		29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	5.000		1	34.000	UBND huyện Mê Linh	NSTP hỗ trợ 34 tỷ đồng, phần còn lại NS H
30	Xây dựng tuyến đường nối đường 100 Trục trung tâm đô thị Mê Linh qua Bệnh viện đa khoa huyện đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	1		xã Đại Thịnh, Tam Đồng, Thạch Đà	2022-2025	L=4.750m	3450/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	179.458		42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	20.000		1	62.000	UBND huyện Mê Linh	NSTP hỗ trợ 62 tỷ đồng, phần còn lại NS H
b	Dự án khởi công mới năm 2023	7	4					915.873								300.200		1	300.200		
1	Đường liên xã Chương Dương - Lê Lợi (đoạn từ đê sông hồng - trường THCS đến kênh Vân Từ), huyện Thường Tín		1	Chương Dương - Lê Lợi	2023-2024	L=3,57km, Bn=9-10m	5609/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	68.496								20.000			20.000	UBND huyện Thường Tín	Xã Chương Dương là xã NTM nâng cao năm 2022

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện..., để đảm bảo việc bổ trợ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Đường giao thông liên xã Đông Lỗ - Kim Đường, kết hợp củng cố kênh mương đoạn từ kênh 12-14 đến kênh A2-12, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	1		Đông Lỗ - Kim Đường	2022-2023	Tuyến chính L=2,5km, B=18m-20m; tuyến nhánh: 2Km, Bn=6,5m-8m	899/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	146.228								55.000			55.000	UBND huyện Ứng Hòa	Xã Đông Lỗ là xã NTM nâng cao năm 2022
3	Đường từ đường tránh QL32 qua UBND xã Thanh Mỹ đi TL414 (giai đoạn 1)	1		xã Thanh Mỹ	2023-2026	Chiều dài L=1.830m, kết cấu mặt đường cấp cao A1, mặt đường bằng bê tông nhựa	1280/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	130.918								40.000			40.000	UBND thị xã Sơn Tây	Xã Thanh Mỹ là xã NTM nâng cao năm 2022
4	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Hương Sơn		1	Xã Hương Sơn	2022-2023	chiều dài tuyến L=24.370m	3254/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	42.953								25.000			25.000	UBND huyện Mỹ Đức	Phục vụ di tích quốc gia đặc biệt Chùa hương
5	Cải tạo các tuyến đường trục chính trên các thôn: Thuận Tiến (khu vườn hoa), Dương Đình xã Dương Xá, huyện Gia Lâm		1	Xã Dương Xá	2023-2024	Cải tạo 07 tuyến đường, L=1.857,2m	8580/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; 7364/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	14.086								12.500		1	12.500	UBND huyện Gia Lâm	
6	Cải tạo cảnh quan hạ tầng kỹ thuật xây dựng hệ thống nước thải khu vực hồ điều hòa đường vào di tích lịch sử Quốc Gia đình Tây Đằng	1		Thị trấn Tây Đằng	2022-2024	Sàn nền, mao vét lòng hồ, thiết kế giao thông và bố trí các hạng mục khác.	7764/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	108.820								35.000			35.000	UBND huyện Ba Vì	Đạt tiêu chí thị trấn văn minh để đạt huyện NTM năm 2023
8	Nâng cấp đường giao thông trục chính xã Hát Môn	1		Hát Môn	2023-2024		4323/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	71.017								22.000			22.000	UBND huyện Phúc Thọ	Xã Hát Môn là xã NTM nâng cao năm 2022
9	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xã Hồng Sơn và Phụng Xá, huyện Mỹ Đức	1		xã Hồng Sơn và xã Phụng Xá	2023-2024	L= 24,7320km	3253/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	41.970								15.000			15.000	UBND huyện Mỹ Đức	Xã Hồng Sơn, Phụng xã là xã NTM nâng cao năm 2022

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện... để đảm bảo việc bổ trợ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
10	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xã Hoàng Long, Trì Trung, Phương Dục		1	Hoàng Long, Trì Trung, Phương Dục	2023-2024	L=29,358km	5525/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	48.385								20.500			20.500	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Đường giao thông liên xã Kim Đường - Trầm Lộng (từ đường Minh Đức - Ngâm thôn Cung Thuê đi Kiên Vũ Trầm Lộng), huyện Ứng Hòa	1		Kim Đường - Trầm Lộng	2023-2024	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường có chiều dài L=3,0km	201/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	98.000								35.000			35.000	UBND huyện Ứng Hòa	
12	Trục kết nối giao thông Văn Hoàng - Tân Dân - đường Thao Chính - Tân Dân	1		Xã Chuyên Mỹ, Văn Hoàng, Đại Thắng, Tân Dân	2023-2024	L=9,541Km	1182/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; 5524/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	145.000								20.200			20.200	UBND huyện Phú Xuyên	qua xã Đại thắng là xã NTM nâng cao
II.2	Lĩnh vực đề điều, thủy lợi		18					540.130		162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	266.150		15	428.150		
a	Dự án chuyển tiếp		16					491.130		162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	237.150		15	399.150		
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Phong Vân		1	xã Phong Vân	2022-2023	L= 9km; Bmđt = 1,5m	7294/QĐ-UBND ngày 08/8/2022; 7744/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	34.135		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	18.000		1	30.000	UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tân Hồng		1	xã Tân Hồng	2022-2023	L= 16,8 km.	7728/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	75.268		25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	13.000			38.000	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Sơn Đà		1	xã Sơn Đà	2022-2023	Chiều dài 1.-17,6km	7720/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	56.379		18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	31.250		1	49.250	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bổ trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSCT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng kết hợp với mương tiêu thoát nước (các tuyến đường cây Bắc Hồ, Trục giữa Núi)		1	Xã Liên Mạc	2022-2024	Cải tạo, nâng cấp đường Bmặt = 3-3,5m	3447/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	6.068		2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	3.200		1	5.700	UBND xã Liên Mạc	
5	Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng và mương thủy lợi xã Liên Mạc, huyện Mê Linh (03 tuyến khu Đồng Độc Vang, Quán Đồng, Đồng Độc Hậu)		1	Xã Liên Mạc	2022-2024	Nâng cấp đường 3-3,5m	3448/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	6.907		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.500		1	6.500	UBND xã Liên Mạc	
6	Kiên cố hóa Kênh đường cái đến bờ cõi thôn Ngọc Trúc		1	xã Đồng Lỗ	2022-2023	L= 1000m	Số 901/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	12.300		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	7.500		1	11.500	UBND huyện Ứng Hòa	
7	Kiên cố hóa kênh Mã Xã 1: Kênh đường Đò và tuyến kênh từ trạm bơm Vực đến Đồng Dải 1 - xã Hòa Xã		1	Xã Hòa Xã	2022-2023	L=2,000m	Số 906/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	11.180		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	6.500		1	10.500	UBND huyện Ứng Hòa	
8	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng xã Võng Xuyên giai đoạn 1		1	Xã Võng Xuyên	2022-2023	Chiều dài kênh L=3 218m	3121/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	14.455		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	9.000		1	13.500	UBND huyện Phúc Thọ	
9	Cải tạo đường giao thông nội đồng xã Võng Xuyên		1	Xã Võng Xuyên	2022-2023	L=4,05Km, Bm=3-5m	3124/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	14.904		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	14.000	UBND huyện Phúc Thọ	
10	Đường trục giao thông nội đồng xã Đại Thắng		1	Xã Đại Thắng	2022-2023	L=6,7Km, Bn=4-5m	3395/QĐ-UBND ngày 03/8/2022; 3961/QĐ-UBND ngày 10/9/2022	50.076		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	26.000		1	41.000	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Cứng hóa giao thông, thủy lợi nội đồng, xã Đại Thắng		1	Đại Thắng	2022-2023	L=7,03Km,B= 5m	2983/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3960/QĐ-UBND ngày 10/9/2022	51.722		17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	28.000		1	45.000	UBND huyện Phú Xuyên	Xã Đại Thắng xã NTMNC năm 2022

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IIT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bổ trợ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
12	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối trạm bơm phục vụ tưới trên địa bàn các xã Phú Lễ, Đông Xuân, Đức Hòa, Xuân Giang, Trung Giã, Phú Linh		1	Xã Phú Lễ, Đông Xuân, Đức Hòa, Xuân Giang, Trung Giã, Phú Linh	2022-2024	cải tạo 13 trạm bơm	5337/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; 7235/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	14.791		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	8.000		1	13.000	UBND huyện Sóc Sơn	
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn các xã Phú Linh, Tiên Dược, Đức Hòa		1	Xã Phú Linh, Tiên Dược, Đức Hòa	2022-2024	cải tạo hệ thống kênh tưới có chiều dài L=18,793Km	5337/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; 7235/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	36.617		13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	17.000		1	30.000	UBND huyện Sóc Sơn	
14	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lương Xá và cải tạo hệ thống kênh tiêu thuộc xã Lam Điền		1	Xã Lam Điền	2022-2023	Tiểu cho 142ha	6678/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	37.925		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	20.000		1	32.000	UBND huyện Chương Mỹ	
15	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Sài và hệ thống kênh xã Quảng Bị		1	Xã Quảng Bị	2022-2023	chiều dài kênh L=1.674,8m và đồng bộ các hạng mục khác	6677/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	43.903		14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	25.200		1	39.200	UBND huyện Chương Mỹ	
16	Củng cố kênh mương, giao thông nội đồng Đại Đồng		1	Đại Đồng	2023-2024	củng cố kênh mương có chiều dài L=4.092,14m	6530/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	24.500		8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	12.000		1	20.000	UBND huyện Thạch Thất	
b	Dự án khởi công mới năm 2023		2					49.000								29.000			29.000		
1	Củng cố kênh mương, giao thông nội đồng xã Dị Nậu		1	Dị Nậu	2023-2024	xây dựng đường kết hợp mương thoát nước L=7,558,32m và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật	7375/QĐ-UBND ngày 15/10/2022	24.000								14.000			14.000	UBND huyện thạch Thất	
2	Củng cố kênh mương, giao thông nội đồng xã Hương Ngải		1	Hương Ngải	2023-2024	L=6,630m	7579/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	25.000								15.000			15.000	UBND huyện Thạch Thất	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023		Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)			
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
11.3	Lĩnh vực giáo dục	1	12					273.338		79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	151.000	151.000	13	217.500		
a	Dự án chuyển tiếp	1	12					273.338		79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	151.000	151.000	13	217.500		
1	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Liên Châu		1	Xã Liên Châu	2022-2023	Xây mới khối nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng, các hạng mục khác	5072/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	28.900		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	15.000	15.000	1	25.000	UBND huyện Thanh Oai	
2	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Liên Châu (điểm trường thôn Từ Châu)		1	Xã Liên Châu	2022-2023	Nhà lớp học 2 tầng kết hợp phòng chức năng, HIMP và PCCC	5077/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	11.000		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	6.500	6.500	1	10.500	UBND huyện Thanh Oai	
3	Nâng cấp, cải tạo trường THCS Tân Ước		1	Xã Tân Ước	2022-2023	Xây mới nhà lớp học kết hợp bộ môn 2 tầng, khu vệ sinh 2 tầng, cải tạo hạng mục cũ	5076/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.600		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	9.000	1	14.000	UBND huyện Thanh Oai	
4	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Hồng Dương		1	Xã Hồng Dương	2022-2023	Xây mới nhà lớp học bộ môn và cải tạo nhà lớp học và HIMP	5075/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	13.500		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	8.000	8.000	1	13.000	UBND huyện Thanh Oai	
5	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Hồng Dương (khu trung tâm và điểm trường thôn Ba Dư)		1	Xã Hồng Dương	2022-2023	Cải tạo các hạng mục cũ và xây mới nhà bếp - ăn tại khu trung tâm, cải tạo điểm trường thôn Ba Dư	5074/QĐ-UBND ngày 36/8/2022	14.800		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	9.000	1	14.000	UBND huyện Thanh Oai	
6	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liên Mạc A, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh		1	xã Liên Mạc	2022-2024	Hoàn thiện hạ tầng và mua sắm thiết bị theo chuẩn Quốc gia	3451/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	10.812		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	6.500	6.500	1	10.500	UBND huyện Mê Linh	
7	Trường tiểu học Đông Tháp		1	Xã Đông Tháp	2022-2023	Nhà lớp học 3 tầng, S=1.029m2	3532/QĐ-UBND ngày 25/03/2022; 5966/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	38.251		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	20.000	20.000	1	32.000	UBND huyện Đan Phượng	
8	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	Huyện Ứng Hòa	2021-2023	Xây dựng môn lớp học 3 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	2377/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	14.996		6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	7.000	7.000	1	13.000	UBND Huyện Ứng Hòa	
9	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, Hà Nội		1	Xã Đông Lỗ	2022-2023	Xây mới nhà hiệu bộ và đồng bộ các hạng mục khác	Số 894/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	12.000		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	7.000	7.000	1	11.500	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Dự xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
10	Xây mới phòng học, bộ môn, khu giáo dục thể chất, phụ trợ trường tiểu học Dị Nậu	1		Dị Nậu	2022-2023	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà lớp học 3 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	6427/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	45.493		13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	27.000	27.000	1	40.000	UBND huyện Thạch Thất	
11	Cải tạo trường mầm non Phú Lỗ		1	Xã Phú Lỗ	2022-2023	Xây mới khối nhà 2 tầng, 5 phòng	5338/QĐ-UBND ngày 03/6/2022, 7273/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	18.000		6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	7.000	7.000	1	13.000	UBND huyện Sóc Sơn	
12	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Đức Hòa		1	Xã Đức Hòa	2022-2023	Xây dựng khối nhà lớp học 3 tầng	5640/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; 7238/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	14.986		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000	9.000	1	14.000	UBND huyện Sóc Sơn	
13	Xây dựng mới trường mầm non khu B, xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2022-2023	Xây mới nhà lớp học 28PHT; khối nhà hiệu bộ +phòng học chức năng và khu bếp 2 tầng; các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị		36.000								20.000	20.000	1	20.000	UBND huyện Chương Mỹ	Nguồn vốn chương trình dân tộc miền núi đã bố trí 13 tỷ đồng
b	Dự án khởi công mới năm 2023																				
II.4	Lĩnh vực văn hóa	4	9					449.287	80.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	151.900		10	225.900		
a	Dự án chuyển tiếp	3	8					364.392	80.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	124.900		9	198.900		
I	Trung tâm thể thao xã Yên Sở (hạng mục: nhà thi đấu, sân vận động và các HMPT)	1		Yên Sở	2021-2023	Xây dựng nhà thi đấu, sân vận động và đồng bộ các hạng mục khác	5465/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	34.830		6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	5.000			11.000	UBND huyện Hoài Đức	NS TP hỗ trợ 20 tỷ đồng; Phần còn lại NS huyện Hoài Đức; dự án vướng mắc GPMB dự kiến HT năm 2024

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số, ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Sân chơi vườn hoa các thôn xã Trung Châu		1	Xã Trung Châu	2022-2023	S=1,993m2; tường lũng, lắp đặt chiếu sáng năng lượng mặt trời	5907/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 5965/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	7.981		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	4.600		1	7.600	UBND huyện Đan Phượng	
3	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã Trung Châu - Miền B		1	Xã Trung Châu	2022-2025	Cải tạo nghĩa trang S=21,548,3m2	5904/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 5968/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	8.613		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	5.000		1	8.000	UBND huyện Đan Phượng	
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao (giai đoạn1)	1		Huyện Ứng Hòa	2021-2023	Xây dựng mới S=4,023m2, 500 chỗ ngồi	561/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	99.000	50.000	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	10.500		1	38.000	UBND Huyện Ứng Hòa	
5	Xây dựng nhà văn hoá trung tâm, sân thể thao xã Đại Đồng	1		Đại Đồng	2022-2023	xây dựng S=2,68ha, đồng ruộng HTKT	6433/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	55.907		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	37.000		1	49.000	UBND huyện Thạch Thất	
6	Tu bổ, tôn tạo chùa đình thôn 1, miếu thôn 6 xã Đại Đồng		1	Đại Đồng	2022-2023	tu bổ tôn tạo đại bái, giếng cổ.	6431/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	9.800		3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	6.000		1	9.500	UBND huyện Thạch Thất	
7	Nhà văn hóa thôn Thương 2, xã Phùng Xá		1	Xã Phùng Xá	2022-2023	S=380,72m2 và các hạng mục phụ trợ	1895/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	12.000		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	7.500		1	11.500	UBND huyện Mỹ Đức	
8	Nhà văn hóa thôn Đặng		1	Xã Hồng Sơn	2022-2023	Xây mới nhà văn hóa	1891/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	14.890		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	14.000	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Cải tạo, nâng cấp Sân vận động trung tâm xã		1	Xã Hương Sơn	2022-2023	Xây mới nhà 01 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	1896/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	15.000		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	14.000	UBND huyện Mỹ Đức	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bổ trợ (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bổ trợ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
11	Xây dựng trung tâm văn hoá xã Dị Nậu		1	Dị Nậu	2022-2023	Xây dựng nhà 01 tầng và đồng bộ các hạng mục khác	6426/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	17.773		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	12.000		1	17.000	UBND huyện Thạch Thất	Đã bổ trợ vốn huyện năm 2022 là 3 tỷ đồng
12	Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên	1		Thị trấn Phú Xuyên	2022-2024			88.598	30.000							19.300			19.300	UBND huyện Phú Xuyên	Dự án sử dụng nguồn NTM năm 2021
b	Dự án khởi công mới năm 2023	1	1					84.895								27.000		1	27.000		
1	Xây dựng trung tâm thể thao xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm - Hạng mục: Bể bơi, đường chạy, sân bóng đá cỏ nhân tạo và các hạng mục phụ trợ	1		Xã Cổ Bi	2023-2024	xây dựng trên diện tích S=3.663m2	7114/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 7367/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	69.952								15.000			15.000	UBND huyện Gia Lâm	
2	Tu bổ, tôn tạo chùa thôn Yên Sơn, xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ		1	xã Đồng Lạc	2023-2024	Tu bổ, tôn tạo	7378/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	14.943								12.000		1	12.000	UBND huyện Chương Mỹ	
11.5	Lĩnh vực môi trường		11					312.568		67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	167.300		10	234.300		
a	Dự án chuyển tiếp		9					200.809		67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	123.500		9	190.500		
1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông và hệ thống tiêu thoát nước hồ Thanh Chiêu, xã Phú Cường		1	xã Phú Cường	2022-2023	Cải tạo nâng cấp và xây mới kè chống sạt lở	7748/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	38.972		13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	20.000		1	33.000	UBND huyện Ba Vì	
2	Kè khu di tích ao cá Bắc Hồ và cải tạo hồ sinh thái trong khu dân cư xã Phú Phương		1	xã Phú Phương	2022-2023	Kè sụt lún đường quanh bờ ao và nạo vét ao S ~2,9ha	7729/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.900		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	10.000		1	14.500	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HIT	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết năm 2021	Năm 2022				Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2023		Đề xuất kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023		Công trình hoàn thành năm 2023	Cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 NTM	Chủ đầu tư	Lý do đề xuất mức vốn bố trí (ghi rõ hạng mục công việc, gói thầu, thời gian thực hiện,... để đảm bảo việc bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và khả năng giải ngân thực tế)
		Số,ngày QĐ	TMDT				Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/01/2023											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS TP hỗ trợ NTM	Tổng số	Trong đó: Vốn XSKT	Đã HT (ghi 1)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Cải tạo ao khu lò gạch thôn Bãi Tháp xã Đồng Tháp		1	Xã Đồng Tháp	2022-2023	Nạo vét ao, đồng bộ HTKT	5901/QĐ-UBND ngày 30/8/2022, 5967/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	9.595		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	5.000		1	9.000	UBND huyện Đan Phượng	
4	Kè đầm ao kết hợp cây xanh, đường dạo thôn Định Đình, xã Phương Đình		1	Xã Phương Đình	2022-2023	Cải tạo ao môi trường S=17,007m2.	4428/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	14.528		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	9.000		1	14.000	UBND huyện Đan Phượng	
5	Xây dựng hệ thống thoát nước thải làng nghề thôn Bật Trung, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội		1	Huyện Ứng Hòa	2022-2023	Bm=3m-5m, L=850m	898/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	17.000		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	11.900		1	16.000	UBND Huyện Ứng Hòa	
6	Cải tạo, bảo tồn hồ thuộc đình thôn Giáp Bón, thôn Cát, thôn Thượng, thôn Cầu xã Tuy Lai		1	Xã Tuy Lai	2022-2023	Cải tạo, bảo tồn	2062/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	22.628		7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	14.000		1	21.500	UBND huyện Mỹ Đức	
7	Cải tạo, bảo tồn hồ sinh thái xã Lê Thanh		1	Xã Lê Thanh	2022-2023	Cải tạo, bảo tồn	2063/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	36.336		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	24.000		1	36.000	UBND huyện Mỹ Đức	
8	Cải tạo, xử lý môi trường hồ sinh thái Bãi Bó xã An Phú		1	Xã An Phú	2022-2023	Cải tạo, bảo tồn	2065/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	35.088		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	23.000		1	35.000	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Cải tạo, bảo tồn hồ đình Phú Cốc xã An Phú		1	xã An Phú	2022-2025	Cải tạo, bảo tồn	2064/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	11.762		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	7.500		1	11.500	UBND huyện Mỹ Đức	
b	Dự án khởi công mới năm 2023		2					111.759								43.800		1	43.800		
1	Cải tạo, nâng cấp cảnh quan ao Vĩ Thủy		1	xã Thanh Mỹ	2023-2025	Diện tích 1,5ha	1281/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	13.489								12.000		1	12.000	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Cải tạo phục vụ môi trường ao Hôi, ao dốc ngõ treo, đầm trước chùa dưới, ao dốc Văn Chỉ xã Hát Môn		1	xã Hát Môn	2023-2024	Diện tích S=4ha	2489/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	98.270								31.800			31.800	UBND huyện Phúc Thọ	